

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

BẢN MẪU

Lớp

7



TIGDØP HUEI

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN TÂN (Tổng Chủ biên)
ĐẶNG PHƯỚC MỸ – NGUYỄN BÁ CƯỜNG (Đồng Chủ biên)
ĐỖ THỊ KIM CHI – PHAN LÊ CHUNG – NGUYỄN VĂN CƯỜNG – LÊ THỊ HỒNG GIANG – NGUYỄN VĂN HÙNG
PHAN NGỌC HUYỀN – TRƯƠNG CÔNG HUỲNH KỶ – NGUYỄN THU HƯƠNG LAM – LÊ PHÚC CHI LĂNG – VŨ ĐỨC LIÊM
NGUYỄN VŨ MINH – CAO LÊ QUANG – VŨ VINH QUANG – NGUYỄN VĂN THUẤN – PHẠM QUANG TRUNG – TRẦN ĐẠI VINH

TÀI LIỆU
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
Tỉnh Thừa Thiên Huế

Lớp
7

BẢN MẪU

KÍ HIỆU DÙNG TRONG TÀI LIỆU

Em có biết?



Câu hỏi



Dẫn nhập/ Khởi động



Kết nối



Luyện tập, vận dụng

MỤC LỤC

KÍ HIỆU DÙNG TRONG TÀI LIỆU	2
LỜI NÓI ĐẦU	4
CHỦ ĐỀ: THỪA THIÊN HUẾ TỪ THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI	5
Bài 1: Thừa Thiên Huế từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XV (thời kì chống quân Minh xâm lược)	6
Bài 2: Thừa Thiên Huế thời Lê sơ và dấu ấn của chúa Tiên – Nguyễn Hoàng	11
CHỦ ĐỀ: VĂN HỌC TRUNG ĐẠI THỪA THIÊN HUẾ	20
Bài 1: Thơ ca trung đại Thừa Thiên Huế	21
Bài 2: Văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế	27
CHỦ ĐỀ: MỸ THUẬT TRUYỀN THỐNG THỪA THIÊN HUẾ	36
Bài 1: Tranh dân gian Làng Sinh	37
Bài 2: Kiến trúc thời Nguyễn ở Huế	44
Bài 3: Nghệ thuật điêu khắc thời Nguyễn ở Huế	52
CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	55
Bài 1: Địa hình và khoáng sản	56
Bài 2: Khí hậu và thủy văn	60
Bài 3: Đất và sinh vật	65
CHỦ ĐỀ: CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI THỪA THIÊN HUẾ	70
DANH MỤC TỪ TRA CỨU	77



LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Cuốn *Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thừa Thiên Huế - Lớp 7* sẽ đồng hành cùng các em trong năm học này.

Tài liệu được biên soạn với kết cấu và nội dung hợp lí, thể hiện những đặc trưng của vùng đất Thừa Thiên Huế. Mở từng trang sách, các em sẽ được khám phá và tìm hiểu về cội nguồn lịch sử của mảnh đất truyền thống; di sản văn học trung đại Thừa Thiên Huế; danh lam thắng cảnh; con người giàu lòng yêu nước, nhân ái,... của địa phương, thông qua các chủ đề như: *Thừa Thiên Huế từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI; Văn học trung đại Thừa Thiên Huế; Mĩ thuật truyền thống Thừa Thiên Huế; Thiên nhiên tỉnh Thừa Thiên Huế; Chính sách an sinh xã hội Thừa Thiên Huế*. Mỗi bài học cũng sẽ có những câu hỏi luyện tập và vận dụng để giúp các em vừa củng cố nội dung bài học, vừa có cơ hội liên hệ với những nét đặc thù của địa phương mình sinh sống và học tập.

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thừa Thiên Huế - Lớp 7 cùng các môn học khác trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 sẽ góp phần tạo điều kiện để các em phát triển năng lực, phẩm chất, tình yêu quê hương đất nước, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của địa phương.

Chúng tôi hi vọng rằng, cuốn sách sẽ mang đến cho các em nhiều điều bổ ích và thú vị về những nét đặc trưng của vùng đất Thừa Thiên Huế. Chúc các em có những giờ học tập thật vui vẻ và hiệu quả.

Các tác giả

CHỦ ĐỀ

THỪA THIÊN HUẾ TỪ THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được những nét chính về vùng đất Thừa Thiên Huế từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI và những dấu ấn đầu tiên của chúa Tiên - Nguyễn Hoàng ở Thừa Thiên Huế.
- Xác định được tên gọi và địa giới hành chính của Thừa Thiên Huế qua các thời kì (từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI).
- Liên hệ được các sự kiện, địa danh, nhân vật tiêu biểu gắn liền với địa danh, tên đường, trường học, công trình văn hoá,... ở địa phương hiện nay.



Bài 1

THỪA THIÊN HUẾ TỪ THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XV (THỜI KÌ CHỐNG QUÂN MINH XÂM LƯỢC)



Hình 1.1. Lễ hội Đền Huyền Trân, xuân Kỷ Hợi 2019.



Từ năm 2008, cứ vào dịp ngày 9 tháng Giêng âm lịch, tại Trung tâm Văn hoá Huyền Trân thuộc phường An Tây (thành phố Huế), người dân địa phương lại tổ chức lễ hội đền Huyền Trân nhằm tưởng nhớ nhân vật gắn liền với lịch sử vùng đất Thừa Thiên Huế là công chúa Huyền Trân.

Em biết gì về nhân vật này? Bà đã có đóng góp gì đối với đất nước Việt Nam nói chung và vùng đất Thừa Thiên Huế nói riêng?

1

Khái quát về vùng đất Thừa Thiên Huế từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIII

Từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIII, Thừa Thiên Huế là vùng đất đặt dưới sự quản lí của Vương quốc Chăm-pa.

Đến thế kỉ X, Chăm-pa vẫn là vương quốc lớn mạnh với 5 tiểu quốc là In-đờ-ra-pu-ra (Indrapura), A-ma-ra-va-ti (Amaravati), Vi-giay-a (Vijaya), Kau-tha-ra (Kauthara) và Pan-đu-ran-ga (Panduranga). Tuy nhiên, sự phát triển của Chăm-pa không ổn định. Ở phía bắc, Chăm-pa gây chiến với Đại Cồ Việt. Trong khi đó ở phía nam, Chăm-pa lại phải đối phó với việc quân Chân Lạp xâm lấn lãnh thổ.

Dưới thời Lý, quan hệ giữa Chăm-pa và Đại Việt có nhiều giai đoạn thăng trầm. Sau sự kiện vua Chế Củ phải dâng đất ba châu: Bố Chính, Địa Lý (Quảng Bình) và Ma Linh (bắc Quảng Trị) cho nhà Lý, vùng đất Thừa Thiên Huế và một phần của Quảng Trị ngày nay trở thành biên giới phía bắc của Chăm-pa.

Quá trình giao lưu văn hoá Chăm - Việt ở vùng đất Hoá Châu diễn ra ngày càng nhiều hơn trong mối quan hệ hoà hiếu tương đối ổn định. Trong thời gian từ năm 1073 đến năm 1126, Chăm-pa đã có khoảng 30 lần sai sứ sang triều cống Đại Việt để giữ tình hoà hiếu.



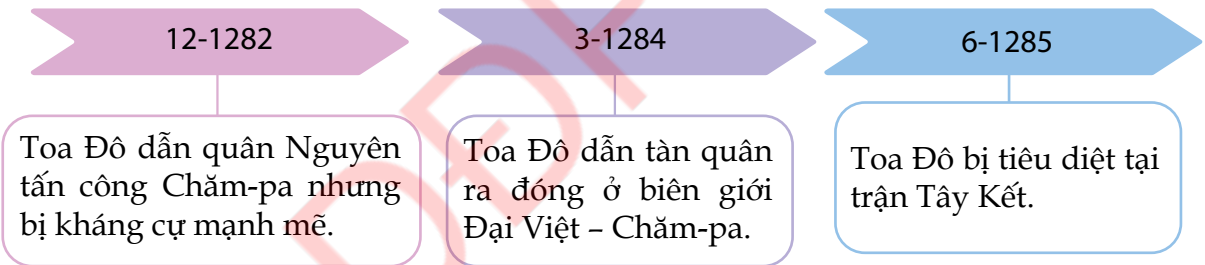
Đọc thông tin, hãy nêu nét chính về vùng đất Thừa Thiên Huế từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIII.

2. Vùng đất Thừa Thiên Huế từ đầu thế kỉ XIII đến cuối thế kỉ XIV

2.1. Đại Việt và Chăm-pa đoàn kết chống lại quân xâm lược Mông - Nguyên

Vào thế kỉ XIII, Đại Việt và Chăm-pa cùng đứng trước thách thức to lớn từ những cuộc chiến tranh do đế quốc Mông - Nguyên gây ra.

Năm 1282, nhà Nguyên yêu cầu Đại Việt cho mượn đường và cung cấp lương thực để đánh Chăm-pa. Vua Trần Nhân Tông của Đại Việt đã từ chối, đồng thời đưa quân và chiến thuyền tới giúp Chăm-pa chống kẻ thù chung.



Sơ đồ 1.1. Tiến trình tiến đánh Chăm-pa và Đại Việt của quân Nguyên do Toa Đô chỉ huy.



Đọc thông tin và quan sát sơ đồ 1.1, hãy cho biết nhà Trần có thái độ như thế nào trước ý đồ xâm lược Chăm-pa của nhà Nguyên. Theo em, vì sao nhà Trần lại có thái độ đó?



Không thể mượn đường qua Đại Việt, quân Nguyên do Toa Đô chỉ huy đã tiến đánh Chăm-pa bằng đường biển. Quân dân Chăm-pa phối hợp với quân dân Đại Việt đã chiến đấu kiên cường và đánh bại được quân Nguyên hùng mạnh. Ý đồ dùng Chăm-pa làm bàn đạp để tấn công Đại Việt từ phía nam của nhà Nguyên bị phá sản.

2.2. Cuộc hôn nhân lịch sử giữa vua Chăm và công chúa nhà Trần

Sau khi cùng nhau đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ ba (1287 - 1288) của quân Nguyên, quan hệ giữa Chăm-pa và Đại Việt càng trở nên thân thiết.

Năm 1306 là một dấu mốc quan trọng đối với lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Thừa Thiên Huế. Bằng tài trí của mình, Thượng hoàng Trần Nhân Tông đã giúp sáp nhập thêm được một vùng đất đai rộng lớn kéo dài từ phía nam sông Thạch Hãn (Quảng Trị) đến phía bắc của sông Thu Bồn (Quảng Nam) vào lãnh thổ Đại Việt. Từ đó vùng đất Thừa Thiên Huế trở thành một phần lãnh thổ của quốc gia Đại Việt.

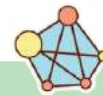
Tư liệu 1: “Đầu mùa hạ năm 1301, Thượng hoàng [Trần Nhân Tông] đi thăm Vương quốc Chiêm Thành. Ở lại đây 9 tháng, Thượng hoàng đã ngỏ lời hứa gả công chúa Huyền Trân cho vua Chăm-pa là Chế Mân,... Mùa Hạ năm 1306, sứ bộ Chiêm Thành sang định lễ cưới. Vua Chiêm Thành xin dâng hai châu Ô và Lý làm lễ vật dẫn cưới”¹.



Công chúa Huyền Trân (1287 – 1340) là con gái của vua Trần Nhân Tông. Năm 1306, công chúa được gả cho vua Chăm và trở thành hoàng hậu với tôn hiệu là Hoàng hậu Pa-ra-méc-va-ri (Paramecvari). Công chúa Huyền Trân qua đời vào ngày 9 tháng Giêng năm Canh Thìn (1340). Cùng với vua cha, công chúa Huyền Trân có công lớn trong việc mở mang bờ cõi về phía nam của Đại Việt nói chung và sự hình thành vùng đất Thừa Thiên Huế ngày nay nói riêng.



Khai thác tư liệu 1 và cho biết: Sự kiện nào dẫn đến việc châu Ô và châu Lý được sáp nhập vào lãnh thổ của Đại Việt?



Châu Ô nằm ở phía nam tỉnh Quảng Trị, đây là tên cũ của vùng đất từ đèo Lao Bảo đến lưu vực sông Thạch Hãn. Châu Lý (Rí) là vùng đất nằm ở phía bắc của tỉnh Thừa Thiên Huế ngày nay.

2.3. Vùng đất Hoá Châu trong buổi đầu thuộc lãnh thổ Đại Việt

Sau khi mở rộng được lãnh thổ, vua Trần đã thi hành một số chính sách ở vùng đất mới nhằm giúp người dân bản địa ổn định cuộc sống.

Chính sách của nhà Trần ở Hoá Châu

Đổi tên châu Lý thành châu Hoá (Hoá Châu).

Cử người địa phương (người Chăm) làm quan cai trị.

Chia ruộng đất và miễn tô thuế 3 năm cho dân.

Sơ đồ 1.2. Một số chính sách của nhà Trần ở Hoá Châu.

Trong thời kì đầu, người Chăm vẫn là lực lượng chủ yếu sinh sống ở đây. Họ sống rải rác ở vùng đồng bằng sông Ô Lâu, sông Bồ, sông Hương,... Cư dân Chăm-pa thành thạo nghề nông và đánh cá.

Từ thế kỉ XIV, người Việt bắt đầu di cư vào vùng đất mới này. Trải qua những biến động lịch sử, những người Chăm hiền hoà đã ở lại đất này, cùng chung sức với người Việt để dựng xây nên những làng xã mới.

¹ Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, *Địa chí Thừa Thiên Huế (phần Lịch sử)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr.47.



Tục cúng đất ở Huế có từ khoảng thế kỉ XIV khi người Việt vào tiếp nhận và định cư ở đây. Lễ cúng được tổ chức để tri ân các vị thần linh và các linh hồn của vùng đất này đã phù hộ cho những cư dân mới an cư lạc nghiệp. Trong suốt nhiều thế kỉ qua, người dân xứ Huế vẫn lưu giữ tập tục này. Người Huế thường tổ chức lễ cúng đất vào một ngày tốt trong tháng Hai hoặc tháng Tám âm lịch hằng năm.

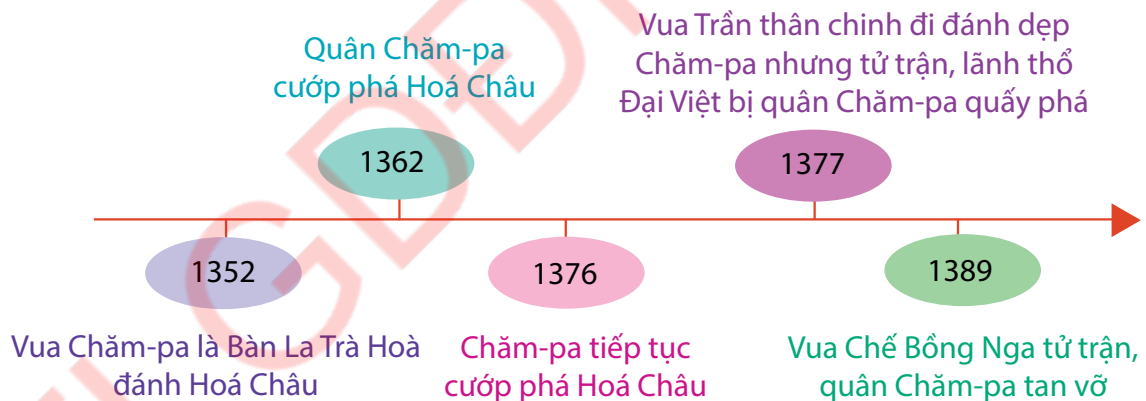


Đọc thông tin và quan sát sơ đồ 1.2, hãy:

1. Cho biết nhà Trần đã thi hành những chính sách gì đối với vùng đất mới Hoá Châu. Em có nhận xét gì về những chính sách đó?
2. Mô tả lễ cúng đất ở địa bàn nơi em đang sinh sống.

2.4. Tình hình Hoá Châu nửa sau thế kỉ XIV

Sau khi vua Chế Mân qua đời (1307), quan hệ Chăm-pa và Đại Việt ngày càng căng thẳng. Để giữ vững sự ổn định của Hoá Châu, các vua Trần đã đẩy mạnh việc di dân vào khai hoang, cử các quan giỏi vào trấn giữ và tu bổ lại thành Hoá Châu.



Sơ đồ 1.3. Tình hình Hoá Châu nửa sau thế kỉ XIV.

Năm 1391, khi được cử đi tuần ở Hoá Châu, Hồ Quý Ly đã cho xét định quân ngũ, sửa chữa thành trì,... làm cho tình hình vùng đất này dần ổn định.



Thành Hoá Châu (thuộc huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế) gồm có 2 lớp: thành ngoài và thành trong, đều có dạng hình chữ nhật. Thành ngoài có mặt trước dài 570 m, mặt sau dài 590 m, mặt trái dài 1 920 m, mặt phải dài 1 890 m. Thành trong dài 260 – 300 m, rộng 150 – 160 m. Đây là công trình trọng yếu bảo vệ biên giới phía nam của Đại Việt trong hai thế kỉ XIV và XV.



Đọc thông tin và quan sát sơ đồ 1.3, hãy:

1. Khái quát mối quan hệ giữa Chăm-pa và Đại Việt ở nửa sau thế kỉ XIV.
2. Cho biết những biện pháp mà nhà Trần đã thực hiện để giữ ổn định cho vùng đất Hoá Châu.

3

Hoá Châu trong cuộc đấu tranh chống quân Minh xâm lược đầu thế kỉ XV

Khởi nghĩa Trần Ngỗi (1407 – 1408)

Năm 1407, Đặng Tất kéo quân từ Hoá Châu ra Nghệ An phò tá Trần Ngỗi.

Khi bị quân Minh tấn công, nghĩa quân rút về Hoá Châu để củng cố lực lượng.

Tháng 3-1409, do mâu thuẫn nội bộ, Đặng Tất bị sát hại, nghĩa quân tan rã.

Khởi nghĩa Trần Quý Khoáng (1409 – 1414)

Sau khi cha bị giết, Đặng Dung (con Đặng Tất) kéo quân từ Thuận Hoá ra Nghệ An tôn Trần Quý Khoáng lên ngôi.

Bị tấn công dồn dập, nhiều lần nghĩa quân Trần Quý Khoáng phải lui về Thuận Hoá cố thủ.

Đầu năm 1414, nghĩa quân tan rã.

Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)

Tháng 8-1425, một bộ phận nghĩa quân Lam Sơn tiến vào Thuận Hoá. Nhân dân Thuận Hoá hưởng ứng nghĩa quân Lam Sơn: ủng hộ của cải, nô nức tòng quân,...

Từ Thuận Hoá, nghĩa quân Lam Sơn được bổ sung lực lượng để tiến ra Bắc giải phóng đất nước.

Hình 1.2. Một số sự kiện tiêu biểu có sự tham gia của nhân dân Hoá Châu trong các cuộc khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược.

Tư liệu 2: “... Hoá Châu lại là một trọng địa, căn cứ để củng cố và bổ sung lực lượng cho nghĩa quân. Tinh thần yêu nước, nỗ lực hi sinh kháng chiến cứu nước của nhân dân vùng đất mới Hoá Châu đã được khẳng định”¹.

Khai thác hình 1.2 và thông tin trong đoạn tư liệu, hãy:

1. Nêu tên các cuộc khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược có sự tham gia của nhân dân Hoá Châu.
2. Trình bày vai trò của vùng đất Hoá Châu trong các cuộc khởi nghĩa đó.



1. Vùng đất Hoá Châu (Thừa Thiên Huế ngày nay) được thành lập như thế nào?
2. Lập sơ đồ/trục thời gian tóm tắt các giai đoạn và sự kiện chính của vùng đất Thừa Thiên Huế từ thế kỉ X đến thời kì chống quân Minh xâm lược.
3. Hãy sưu tầm tài liệu, hình ảnh qua sách báo, internet và viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 câu) về Lễ hội Đền Huyền Trân ở Thừa Thiên Huế.

¹ Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, *Địa chí Thừa Thiên Huế (phần Lịch sử)*, TLDD, tr.54 – 55.

Bài 2

THỪA THIÊN HUẾ THỜI LÊ SƠ VÀ DẤU ẤN CỦA CHÚA TIÊN – NGUYỄN HOÀNG

Tư liệu 1: “Bấy giờ chúa đạo xem hình thế núi sông, thấy trên cánh đồng bằng ở xã Hà Khê (nay thuộc thành phố Huế) giữa đồng bằng nổi lên một gò cao, như hình đầu rồng quay lại, phía trước thì nhìn ra sông lớn, phía sau thì có hồ rộng, cảnh trí rất đẹp. Nhân thế hỏi chuyện người địa phương, họ đều nói rằng gò này rất thiêng, tục truyền rằng: Xưa có người đêm thấy bà già áo đỏ quần xanh ngồi trên đỉnh gò nói rằng: “Sẽ có vị chân chúa đến xây chùa ở đây, để tụ khí thiêng, cho bền long mạch.”... Chúa cho là núi ấy có linh khí, mới dựng chùa gọi là chùa Thiên Mụ”¹.



Hình 2.1. Toàn cảnh chùa Thiên Mụ.

Đoạn tư liệu trên trình bày lí do chúa Tiên – Nguyễn Hoàng quyết định cho xây dựng chùa Thiên Mụ (1601). Những hoạt động của vị chúa Tiên không chỉ khai mở một thời đại mới cho xứ Đàng Trong mà còn xác lập vị trí trung tâm của vùng đất Thuận Hoá – Thừa Thiên Huế ở khu vực này.

Vậy tiến trình lịch sử Thừa Thiên Huế thời Lê sơ đã diễn ra như thế nào và chúa Tiên – Nguyễn Hoàng đã để lại những dấu ấn gì trên mảnh đất này?

1 Thừa Thiên Huế thời Lê sơ

1.1. Tình hình chính trị và địa giới hành chính

Trước những biến động chính trị, quân sự lớn từ giai đoạn cuối thời Trần tới khi nhà Lê sơ được thành lập, vùng đất Thừa Thiên Huế ngày càng đóng vai trò quan trọng trong lịch sử Việt Nam.

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr.35.

1.2. Tình hình kinh tế, xã hội

Tiếp tục làn sóng di cư đầu thế kỉ XIV, quá trình Nam tiến của người Việt vào Thuận Hoá diễn ra mạnh mẽ vào thế kỉ XV – đầu thế kỉ XVI. Nhiều tư liệu tại các làng xã Thừa Thiên Huế cho thấy sự xuất hiện của các dòng họ khai canh được xác lập trong thời Lê sơ. Các nhóm cư dân này tạo dựng cơ sở vững chắc cho hoạt động di dân, khai hoang, lập thêm nhiều làng, xã mới, mở rộng sản xuất kinh tế tại Thừa Thiên Huế. Vùng đất này được hưởng thanh bình, ổn định trong nhiều thập kỉ, tạo ra sự cộng cư giữa người Việt với người Chăm và các nhóm cư dân bản địa, tạo nên sự đa dạng tộc người và văn hoá.

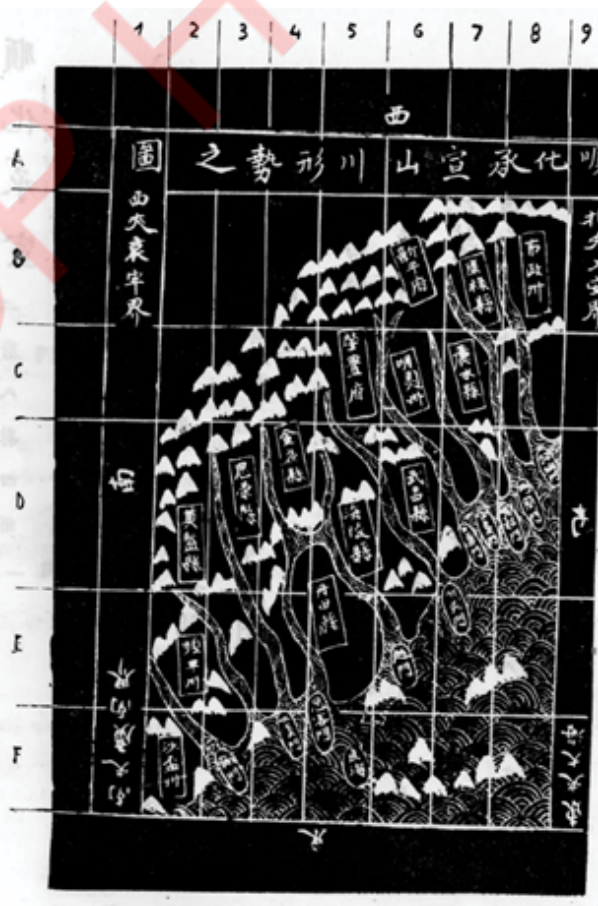


Nhiều làng cổ đã ra đời trên địa bàn Thừa Thiên Huế ở nửa đầu thế kỉ XV như: làng Đa Cảm (nay là xã Phong Hoà, huyện Phong Điền), làng Thanh Cẩn (nay thuộc xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền), làng Triều Sơn (nay thuộc địa bàn các phường: Hương Sơ, Hương Vinh (thành phố Huế) và xã Hương Toàn (thị xã Hương Trà)).

Sự phát triển ở thế kỉ XV làm cho dân cư trên vùng đất Thừa Thiên Huế ngày càng quần tụ đông đúc. *Hồng Đức bản đồ* vẽ thời vua Lê Thánh Tông cho biết 3 huyện thuộc phần đất Thừa Thiên Huế ngày nay gồm: Kim Trà (có 22 làng, 20 thôn, 3 nguồn¹), Đan Điền (60 làng, 14 thôn, 4 sách, 1 nguồn), Tư Vinh (69 làng, 4 sách, 1 thôn)².

Đến thế kỉ XVI, Thừa Thiên Huế có khoảng 180 làng và 50 thôn, sách, nguồn. Dân cư tập trung dọc theo sông Bồ, sông Hương, sông Phú Bài, sông Truồi, sông Mọc Hàn,...

Đời sống kinh tế của cư dân dựa vào canh tác nông nghiệp, chủ yếu là làm vụ hè và trồng thêm các hoa màu như khoai, sắn, môn, nua, kê, mía,... Ngoài ra còn đánh cá, làm muối, khai thác lâm sản, đóng tàu, chăn nuôi gia súc, làm giấy, dệt lụa,...



Hình 2.3. Thừa tuyên Thuận Hoá trên *Hồng Đức bản đồ* (khoảng năm 1490).

¹ Nguồn: một đơn vị hành chính ở vùng núi miền Trung thời chúa Nguyễn.

² Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, *Địa chí Thừa Thiên Huế (phần Lịch sử)*, TLDD, tr.63.



Tư liệu 3: “Đồng bằng làm ruộng nuôi tằm, miền biển làm nghề muối mắm. Cửa thổ nơi vốn chẳng giống nhau, nhưng rượu cất là thức uống thật ngon. Sơn hào hải vị, sản vật vốn nhiều tôm cá đánh ở biển, hồ không đâu không có... Xóm làng đông đúc, tiếng gà gáy, chó sủa cùng nghe. Cỏ nước đầy đủ, bầy trâu chăn thả khắp đồng”¹.

Đọc thông tin, tư liệu và quan sát hình 2.3, hãy:

1. Trình bày nét chính về tình hình kinh tế, xã hội ở vùng đất Thừa Thiên Huế thời Lê sơ.
2. Cho biết hoạt động di dân của người Việt có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của vùng đất Thuận Hoá.

1.3. Tình hình văn hoá

Vùng đất Thừa Thiên Huế trong buổi đầu xác lập là một không gian đa tộc người, đa văn hoá, đặc biệt là sự giao thoa của hai nền văn hoá Chăm và Đại Việt.

1.3.1. Dấu ấn văn hoá Chăm-pa

Thừa Thiên Huế là vùng đất có sự giao lưu mạnh mẽ giữa văn hoá Chăm-pa và văn hoá Đại Việt. Người Chăm đã lập nước ở đây từ những thế kỉ đầu Công nguyên. Người Việt cũng di cư đến đây từ thế kỉ XIV. Trong quá trình phát triển, văn hoá Việt – Chăm đã có sự hoà quyện, góp phần tạo nên một dấu ấn văn hoá Thừa Thiên Huế đặc sắc và riêng biệt.



Sơ đồ 2.1. Một số dấu ấn của văn hoá Chăm-pa tại Thừa Thiên Huế.

¹ Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, Trần Đại Vinh – Hoàng Văn Phúc dịch, Nxb Thuận Hoá, Huế, 2001; dẫn theo *Địa chí Thừa Thiên Huế (phần Lịch sử)*, TLĐĐ, tr.70.



Bộ chóp tháp Chăm Linh Thái – một dấu ấn của kiến trúc Chăm-pa ở Thừa Thiên Huế (phát hiện tại xã Vinh Hiền, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế) được làm bằng đá sa thạch có niên đại khoảng thế kỉ XII – XIII. Chóp tháp có hình nón, các cạnh từ đỉnh xuống đáy có các đường gờ cân đối dạng hình quả khế với tám múi cách đều nhau, biểu tượng của một búp sen cách điệu. Tác phẩm có thể được coi là một kiệt tác điêu khắc của người Chăm-pa.

Bộ chóp tháp Chăm Linh Thái hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế và được công nhận là Bảo vật quốc gia năm 2020.



Hình 2.4. Bộ chóp tháp Chăm Linh Thái.

1.3.2. Dấu ấn văn hoá Việt

Thời Lê sơ, Đại Việt cũng chứng kiến sự mở rộng di cư và xác lập làng xã, các hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội và thực hành văn hoá Việt trên vùng đất Thừa Thiên Huế.

Sự xuất hiện nhanh chóng các làng của dân di cư đã thúc đẩy sự phát triển của văn hoá làng xã người Việt. Nhiều đền, chùa, miếu và các công trình kiến trúc tôn giáo được xây dựng. Giáo dục Nho học ở các địa phương cũng từng bước được mở rộng, góp phần đào tạo được nhiều nhân tài ở buổi đầu như Hồ Long, Hồ Hưng, Nguyễn Hữu Nhuế, Cao Bách Tuế, Nguyễn Quang,...

Tư liệu 4: “[Người Thuận Hoá] Xuân sang mở hội đua bơi, lựa là chen chúc. Hạ tới mở tiệc tàng quy, ca múa tung bùng. Có người có cửa, tùy thói tùy lễ”¹.

Bên cạnh đó, dân di cư người Việt đã kế thừa, tiếp thu nhiều thành tựu văn hoá đặc sắc của các cộng đồng bản địa, đặc biệt là người Chăm, về tôn giáo, tín ngưỡng, kĩ thuật làm thuỷ lợi, kĩ thuật đóng thuyền,... để làm phong phú đời sống văn hoá cộng đồng, làng xã.



Lễ hội Điện Huệ Nam (hay Điện Hòn Chén) là một lễ hội truyền thống gắn với yếu tố văn hoá tâm linh thờ phụng Thánh Mẫu Thiên Y A Na. Thiên Y A Na là một nữ thần được cư dân Chăm và Việt thờ phụng và đã được nhà Nguyễn xếp vào bậc thượng đẳng thần. Lễ hội thường được cử hành vào tháng Ba và tháng Bảy âm lịch hằng năm.

¹ Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, Trần Đại Vinh – Hoàng Văn Phúc dịch, Nxb Thuận Hoá, Huế, 2001; dẫn theo *Địa chí Thừa Thiên Huế (phần Lịch sử)*, TLDD, tr.70.



Hình 2.5. Lễ hội Điện Huệ Nam năm 2022.



Đọc thông tin, tư liệu, quan sát sơ đồ 2.1 và các hình 2.4, 2.5, hãy:

1. Trình bày nét chính về tình hình văn hoá của vùng đất Thuận Hoá thời Lê sơ.
2. Cho biết sự giao lưu văn hoá Việt và Chăm phản ánh điều gì về lịch sử hình thành và phát triển của Thừa Thiên Huế.

2 Thừa Thiên Huế thời chúa Tiên – Nguyễn Hoàng

2.1. Tình hình chính trị và địa giới hành chính

Những biến động chính trị cuối thời Lê sơ và cuộc nội chiến dai dẳng giữa nhà Lê Trung hưng và nhà Mạc không chỉ thúc đẩy dòng di cư vào Thuận Hoá và các khu vực phía nam, mà còn làm gia tăng vai trò chính trị, quân sự của vùng đất Thuận Hoá nói riêng và dải đất miền Trung nói chung.

Tư liệu 5: “Thuận Hoá là nơi quan trọng, quân và của do đấy mà ra, buổi quốc sơ nhờ đấy mà nên nghiệp lớn. Nay lòng dân hãy còn tráo trở, nhiều kẻ vượt biển đi theo họ Mạc, sợ có kẻ dẫn giặc về cướp, ví không được tướng tài trấn thủ võ yên thì không thể xong. Đoan quận công là con nhà tướng, có tài trí mưu lược, có thể sai đi trấn ở đấy, để cùng với tướng trấn thủ Quảng Nam cùng nhau giúp sức thì mới đỡ lo đến miền Nam”¹.

Năm 1558, chúa Tiên – Nguyễn Hoàng được cử vào cai trị Thuận Hoá, mở đầu cho lịch sử vùng đất Đàng Trong gắn liền với dòng họ Nguyễn. Đến năm 1570, chúa Tiên – Nguyễn Hoàng được giao cai quản thêm vùng đất Quảng Nam. Ông tiến hành thu phục lòng người, tổ chức lại hệ thống hành chính, thuế khoá, quân sự theo hướng quy củ, chặt chẽ.

Khi chúa Tiên – Nguyễn Hoàng vào Nam, Thuận Hoá gồm có hai phủ (Tân Bình, Triệu Phong) gồm 8 huyện và 4 châu. Trong 6 huyện của phủ Triệu Phong thì có 3 huyện là Đan Điền, Kim Trà, Tư Vinh thuộc địa bàn Thừa Thiên Huế ngày nay.

Tại đây, chúa Tiên – Nguyễn Hoàng tăng cường củng cố bộ máy hành chính, thuế khoá, xây dựng quân đội thường trực khoảng 2 vạn người (giữa thế kỉ XVI) và mở rộng quan hệ ngoại giao, trao đổi, buôn bán với bên ngoài, trong đó có chính quyền Mạc Phủ của Nhật Bản.

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Tờ biểu của Trịnh Kiểm tiến cử Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá*, trong *Đại Nam thực lục*, tập 1, TLĐĐ, tr.28.



Tư liệu 6: “[Nguyễn Hoàng] từ khi cai quản hai xứ Thuận Hoá, Quảng Nam, nhân chính ban khắp gần xa, ơn đức bao trùm mọi chốn, người người yêu mến ngưỡng mộ như cha mẹ, trên thuận đạo trời, dưới hợp tình dân, đúng là bậc minh chúa tài ba sáng suốt”¹.

Chúa Tiên – Nguyễn Hoàng (1525 – 1613) là con thứ của quan đại thần Nguyễn Kim – người dấy binh giúp khôi phục lại nhà Lê, dựng nên triều Lê Trung hưng. Theo sử nhà Nguyễn, Nguyễn Kim bị đầu độc năm 1545 và người con rể là Trịnh Kiểm từng bước tước đoạt binh quyền. Trong bối cảnh đó, Nguyễn Hoàng đã xin vào cai trị Thuận Hoá và được vua Lê chấp thuận, cho phép “phàm mọi việc ở địa phương không kể lớn nhỏ đều cho tùy tiện xử lí”.

Đọc thông tin và tư liệu, hãy:



1. Trình bày tình hình chính trị và địa giới hành chính của Thừa Thiên Huế thời chúa Tiên – Nguyễn Hoàng.
2. Cho biết vì sao chúa Tiên – Nguyễn Hoàng có thể xây dựng vùng đất Đàng Trong vững mạnh.

2.2. Tình hình kinh tế, xã hội

Trên cơ sở hệ thống hành chính, quân sự được tổ chức ngày càng chặt chẽ, quá trình khai thác Thuận Hoá được đẩy mạnh đã tạo ra bước phát triển mới về kinh tế, xã hội.

Cuộc Nam tiến của chúa Tiên – Nguyễn Hoàng kéo theo một lượng lớn binh lính, dân chúng từ Thanh Hoá, Nghệ An và các khu vực khác tới khai hoang, lập làng. Thiên tai, chiến tranh cũng làm gia tăng số người di cư từ Đàng Ngoài vào Đàng Trong và tạo ra một xã hội mới đầy năng động.

Về nông nghiệp, chúa Tiên – Nguyễn Hoàng tổ chức dân di cư thành từng đoàn và cấp cho lương thực, nông cụ để họ tới các vùng đất hoang khai phá, mở rộng diện tích, lập nhiều làng mới.

Hoạt động thủ công nghiệp và thương nghiệp của vùng đất Thừa Thiên Huế cũng có sự phát triển mạnh. Các cộng đồng dân cư cư trú theo dọc sông trên địa bàn Thừa Thiên Huế từng bước mở rộng với các hoạt động thủ công nghiệp như dệt vải, rèn sắt, đúc đồng, chế tạo vũ khí... điển hình như là ở Phú Vang, Phú Bài, Hiền Lương.

Trên cơ sở đó, việc buôn bán, trao đổi hàng hoá đường thuỷ trong nội vùng Thừa Thiên Huế và giữa Thuận Hoá, Quảng Nam với Nhật Bản bắt đầu được hình thành.

Dưới thời cai trị của chúa Tiên – Nguyễn Hoàng, tình hình kinh tế, xã hội vùng đất Thuận Hoá ngày càng ổn định và khởi sắc.

¹ Nguyễn Khoa Chiêm, *Việt Nam khai quốc chí truyện*, Ngô Đức Thọ – Nguyễn Thuý Nga dịch, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 1994, tr.92.

Tư liệu 7: “Bấy giờ chúa [Nguyễn Hoàng] ở trấn hơn 10 năm, chính sự rộng rãi, quân lệnh nghiêm trang, nhân dân đều yên cư lạc nghiệp, chợ không hai giá, không có trộm cướp. Thuyền buôn các nước đến nhiều. Trấn trở nên một nơi đô hội lớn”¹.



Đọc thông tin và tư liệu, hãy:

1. Trình bày nét chính về tình hình kinh tế, xã hội của vùng đất Thừa Thiên Huế thời chúa Tiên – Nguyễn Hoàng.
2. Cho biết vì sao nền kinh tế của vùng đất Thừa Thiên Huế thời chúa Tiên – Nguyễn Hoàng lại có bước phát triển nhanh chóng.

2.3. Tình hình văn hoá

Làn sóng di cư mới của cư dân Việt ở Đàng Ngoài mà đông đảo nhất là từ Thanh Hoá, Nghệ An đã mang đến làng quê mới ở Thuận Hoá nhiều phong tục, nếp sống và truyền thống. Điều đó làm phong phú thêm bức tranh văn hoá của vùng đất Thừa Thiên Huế ở buổi đầu xác lập.

Chúa Tiên – Nguyễn Hoàng đã rất có ý thức kết hợp các tín ngưỡng dân gian bản địa của người Chăm, người Việt (như bà trời áo đỏ quần xanh ở gò Thiên Mục) và Phật giáo. Trên cơ sở đó, nhiều chùa đền, miếu đã được xây dựng. Năm 1601, chúa Nguyễn Hoàng dựng chùa Thiên Mục; năm 1602 sửa chùa Sùng Hoá,... Phật giáo có ảnh hưởng rộng rãi, không chỉ trong dân gian mà còn cả trong các gia đình quan lại, quý tộc.



Đọc thông tin và tư liệu, hãy trình bày nét chính về tình hình văn hoá của vùng đất Thừa Thiên Huế thời chúa Tiên – Nguyễn Hoàng.

2.4. Dấu ấn của chúa Tiên – Nguyễn Hoàng ở Thừa Thiên Huế

Trong 55 năm cai trị, chúa Tiên – Nguyễn Hoàng không chỉ đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển của xứ Đàng Trong mà còn để lại dấu ấn trên nhiều lĩnh vực của vùng đất Thừa Thiên Huế.

Về chính trị và kinh tế, chúa Tiên – Nguyễn Hoàng củng cố hệ thống hành chính, thuế khoá, thành lập các làng mới trên vùng đất Thừa Thiên Huế. Chính sách khoan hoà, thân dân của ông đã từng bước tạo nên một vùng có dân cư ngày càng đông đúc, làng mạc trù phú, kinh tế phát triển thuận lợi, từ đó tạo điều kiện để chúa Sãi – Nguyễn Phúc Nguyên dời phủ từ Dinh Cát (Quảng Trị) về Phước Yên (xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế) vào năm 1620.

Về xã hội và văn hoá, cuộc Nam tiến của chúa Tiên – Nguyễn Hoàng đã thúc đẩy dòng di cư của nhiều cư dân Đàng Ngoài, trong đó có các cư dân vùng Thanh Hoá, Nghệ An. Sự định cư và xác lập truyền thống văn hoá của họ tại vùng Thuận Hoá góp phần tạo dựng và định hình bản sắc mới của vùng đất Thừa Thiên Huế từ thế kỉ XVI.

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, TLĐĐ, tr.31.

Tư liệu 8: “[Nguyễn Hoàng] có uy lược, xét kĩ, nghiêm minh, không ai dám lừa dối. Cai trị hơn mười năm, chính sự khoan hoà, việc gì cũng thường làm ơn cho dân, dùng phép công bằng, rắn giữ bản bộ, cấm đoán kẻ hung dữ. Quân dân hai xứ thân yêu tín phục, cảm nhân mến đức, dòi dỏi phong tục,... quân lệnh nghiêm trang, ai cũng cố gắng, trong cõi đều an cư lạc nghiệp”¹.

Các nỗ lực củng cố, thống nhất tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo của cư dân Đàng Trong của chúa Tiên – Nguyễn Hoàng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc xác lập nền văn hoá mới ở vùng đất Thừa Thiên Huế. Các di tích Phật giáo như chùa Thiên Mụ, chùa Sùng Hoá,... được xây dựng, trùng tu thời chúa Tiên – Nguyễn Hoàng đã trở thành các trung tâm tôn giáo và biểu tượng tâm linh, văn hoá của vùng đất Thừa Thiên Huế.



Hình 2.6. Phối cảnh 3D lăng Trường Cơ của chúa Tiên – Nguyễn Hoàng (xã Hương Thọ, thành phố Huế).



Đọc thông tin, tư liệu và quan sát hình 2.6, hãy nêu các dấu ấn của chúa Tiên – Nguyễn Hoàng ở Thừa Thiên Huế.



1. Trình bày những nét phát triển mới của vùng đất Thừa Thiên Huế thời Lê sơ.
2. Trình bày những đóng góp của chúa Tiên – Nguyễn Hoàng đối với vùng đất Thừa Thiên Huế nói riêng và vùng đất Đàng Trong nói chung.
3. Sưu tầm tư liệu qua sách, báo, internet và viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) về một di tích lịch sử có dấu ấn của chúa Tiên – Nguyễn Hoàng ở Thừa Thiên Huế.
4. Em hãy tìm hiểu những địa danh, trường học, đường phố, công trình văn hoá,... trên địa bản tỉnh Thừa Thiên Huế mang tên chúa Tiên – Nguyễn Hoàng.

¹ Lê Quý Đôn, *Toàn tập*, tập I: Phủ biên tạp lục, Đỗ Mộng Khương – Nguyễn Trọng Huân – Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr.50.

CHỦ ĐỀ

VĂN HỌC TRUNG ĐẠI THỪA THIÊN HUẾ

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được một số tác giả, tác phẩm văn học trung đại tiêu biểu của Thừa Thiên Huế.
- Nhận biết sơ lược đặc điểm, giá trị nội dung, nghệ thuật nổi bật của thơ ca, văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế.
- Biết trân trọng và có ý thức giữ gìn những di sản văn học trung đại của địa phương.



Bài 1

THƠ CA TRUNG ĐẠI THỪA THIÊN HUẾ

Thơ ca trung đại Thừa Thiên Huế có một vị trí quan trọng đối với thơ ca dân tộc. Với hơn 300 năm lịch sử, thơ ca trung đại Thừa Thiên Huế đã hoà vào dòng chảy văn học dân tộc. Từ các tác phẩm thơ ca trung đại Thừa Thiên Huế, cảnh sắc, thiên nhiên, con người, tính cách Huế hiện lên rõ nét, tinh tế.

Kể tên một tác phẩm thơ ca trung đại Thừa Thiên Huế.



Hình 1.1. Cửa biển Tư Hiền, huyện Phú Lộc.

1 Khái quát về thơ ca trung đại Thừa Thiên Huế

Thơ ca trung đại Thừa Thiên Huế chủ yếu là những tác phẩm thơ ca của các tác giả quê ở Thừa Thiên Huế sáng tác trong khoảng thời gian từ giữa thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XIX.

Giai đoạn từ giữa thế kỉ XVI đến hết thế kỉ XVII, thơ ca Thừa Thiên Huế được biết đến với các sáng tác bằng chữ Nôm của Đào Duy Từ (1572 - 1634). Sang thế kỉ XVIII, thơ ca Thừa Thiên Huế có những thành tựu nổi bật, phát triển song song cả thơ ca chữ Hán và thơ ca chữ Nôm. Các tác giả tiêu biểu cho giai đoạn này là Nguyễn Hữu Hào (? - 1713), Nguyễn Cư Trinh (1716 - 1767) và Ngô Thế Lân (? - ?). Giai đoạn thế kỉ XIX, thơ ca Thừa Thiên Huế có nhiều thành tựu phong phú, xuất sắc với sáng tác của các vị hoàng đế, hoàng thân và quan lại nhà Nguyễn như Thiệu Trị (1807 - 1847), Tự Đức (1829 - 1883), Miên Thẩm (1819 - 1870), Đặng Huy Trứ (1825 - 1874),...

Về nội dung, thơ ca trung đại Thừa Thiên Huế thể hiện sâu sắc tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào chính đáng về vùng đất và con người Thừa Thiên Huế. Về nghệ thuật, thơ ca trung đại Thừa Thiên Huế kế thừa truyền thống văn học dân tộc, có sự trau chuốt về ngôn từ, đa dạng về thể loại, tinh tế về biểu đạt.

Thơ ca trung đại Thừa Thiên Huế là một di sản văn hoá tinh thần quan trọng cần được gìn giữ, tìm hiểu và lưu truyền.

Nêu các giai đoạn phát triển của thơ ca trung đại Thừa Thiên Huế.

2

Một số tác giả, tác phẩm thơ ca trung đại tiêu biểu của Thừa Thiên Huế

Thơ văn xứ Đàng Trong nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng được khơi nguồn từ những sáng tác bằng chữ Nôm của Đào Duy Từ, tiêu biểu là bài *Tư Dung*¹ *văn*. Bằng thể thơ lục bát, qua ngôn ngữ giản dị, nhịp điệu hài hoà, Đào Duy Từ đã ca ngợi phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp của vùng biển Tư Dung (Tư Hiền) và sự nghiệp của các chúa Nguyễn.

Nguyễn Hữu Hào là tác giả có những sáng tác mở đầu cho thơ ca Thừa Thiên Huế giai đoạn thế kỉ XVIII. Ông cũng là tác giả Thừa Thiên Huế đầu tiên đóng một dấu son vào quá trình phát triển của thể loại truyện thơ Nôm nói riêng và thơ ca viết bằng chữ Nôm nói chung. Truyện thơ *Song Tinh Bất Dạ* là tác phẩm duy nhất của ông còn được truyền lại. Truyện gồm hơn 2 000 dòng thơ, kể về cuộc tình duyên giữa chàng Song Tinh (Bất Dạ) và nàng Nhụy Châu. Thông qua tác phẩm, Nguyễn Hữu Hào ca ngợi tình yêu tự do, đề cao chính nghĩa, khẳng định khát vọng hạnh phúc lứa đôi. Về nghệ thuật, tác phẩm có ngôn từ mộc mạc, giản dị, gần gũi với quần chúng nhân dân.

Thành tựu quan trọng nhất của văn học Thừa Thiên Huế trong thế kỉ XVIII là thơ Nôm của Nguyễn Cư Trinh và thơ chữ Hán của Ngô Thế Lân. *Về Sài Vãi* của Nguyễn Cư Trinh là một sáng tạo độc đáo trong văn học viết bằng chữ Nôm. Tác phẩm ca ngợi đạo lí, đả kích thói mê tín, khích lệ tinh thần kẻ sĩ bằng nghệ thuật linh hoạt, giọng thơ sôi nổi, hấp dẫn.

Ngô Thế Lân sống và sáng tác vào thời kì tình hình chính trị Đàng Trong rối ren. *Phong trúc tập* là tập thơ tiêu biểu của ông, gồm nhiều bài thơ xuất sắc. Thơ ông súc tích, giàu cảm xúc, sử dụng các hình thức ẩn dụ, ngụ ngôn để bộc lộ ý nghĩ kín đáo trước cảnh xã hội thối nát, đồng thời bày tỏ nỗi niềm thương cảm nhưng bất lực của ông trước cảnh đói nghèo, tăm tối của một bộ phận nhân dân.

¹ Tư Dung: Cửa biển Tư Hiền ngày nay.



Trong thế kỉ XVIII, thơ ca Thừa Thiên Huế có những tác giả, tác phẩm tiêu biểu nào?



Hình 1.2. Bìa sách *Nguyễn Cư Trinh với quyền Sài Vãi*, Tân Việt phát hành, 1950



Hình 1.3. Đường Ngô Thế Lân ở bờ bắc sông Ngự Hà, phường Tây Lộc, thành phố Huế.

Năm 1802, chúa Nguyễn Phúc Ánh lật đổ triều đại Tây Sơn lên ngôi hoàng đế, đặt kinh đô ở Phú Xuân, vùng đất Thừa Thiên Huế từng là nơi nhân tài hội tụ nay trở thành trung tâm văn hoá, văn học của cả nước. Trong thế kỉ XIX, thơ ca Thừa Thiên Huế phát triển mạnh, đạt nhiều thành tựu rực rỡ.

Các nhà thơ hoàng tộc nhà Nguyễn, bao gồm các vị hoàng đế, vương gia, hoàng tử và công chúa như Minh Mạng (1791 - 1841), Thiệu Trị, Tự Đức, Miên Thẩm, Miên Trinh (1820 - 1897), Mai Am (1826 - 1904), Huệ Phố (1830 - 1882),... đã sáng tác hàng ngàn bài thơ ca tụng cảnh sắc thiên nhiên, danh lam thắng cảnh và con người vùng đất thần kinh.



Thơ ca hoàng tộc nhà Nguyễn có những tác giả, tác phẩm tiêu biểu nào?

Vua Thiệu Trị, tên húy là Nguyễn Phúc Miên Tông, là vị vua thứ ba của triều Nguyễn. Ông để lại một sự nghiệp thi ca đồ sộ với khoảng 4 000 bài thơ và hàng trăm bài văn xuôi. Chùm thơ nổi tiếng nhất của ông là *Thần kinh nhị thập cảnh*. Nhiều thắng cảnh xứ Huế là đề tài của tập thơ trải qua những biến động thăng trầm của lịch sử giờ đây không còn nữa, nhưng tấm lòng của ông với thiên nhiên diễm lệ, thơ mộng của xứ Huế được gửi gắm qua chùm thơ vẫn còn mãi với thời gian.



Hình 1.4. Lăng vua Thiệu Trị, xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy.

Ngoài nội dung ca ngợi núi sông hùng vĩ, diễm lệ, làng quê trù mật, đời sống lao động vất vả, khó nhọc của nhân dân cũng được các nhà thơ hoàng tộc quan tâm, bày tỏ lòng thương xót. Về mặt nghệ thuật, thơ ca hoàng tộc triều Nguyễn có sự tiếp nối thành tựu của các giai đoạn thơ ca trước đó, phát triển đa dạng các thể loại, ngôn từ giàu hình ảnh, điêu luyện, uyên bác.

Ngoài các nhà thơ hoàng tộc, những vị đại thần, danh tướng người Thừa Thiên Huế như Đặng Huy Trứ, Tôn Thất Thuyết (1839 - 1913), Nguyễn Lộ Trạch (1853 - 1898),... đã đóng góp nhiều tác phẩm tiêu biểu, có giá trị hiện thực, bày tỏ lòng yêu nước, chống thực dân Pháp xâm lược. Đặng Huy Trứ là một nhà chính trị lỗi lạc, có ý thức canh tân đất nước. Tập thơ *Đặng Hoàng Trung thi sao* của ông sử dụng nhiều hình ảnh hiện thực, sinh động, giàu tính địa phương.



Hình 1.5. Chân dung truyền thần của Đặng Huy Trứ (Lý Ngụy Nham vẽ).

Trong khoảng 300 năm, nhờ vị thế kinh đô, chốn non nước hữu tình, nơi tinh hoa kết tụ, thơ ca Thừa Thiên Huế đã có bước phát triển mạnh mẽ, đạt những thành tựu rực rỡ, đóng góp nhiều tác phẩm độc đáo cho di sản thơ ca dân tộc. Các tác phẩm tiêu biểu của thơ ca trung đại Thừa Thiên Huế đã trở thành di sản văn hoá quan trọng, nguồn lực tinh thần đặc biệt để thơ ca Thừa Thiên Huế tiếp tục phát triển trong những giai đoạn về sau.

3 Ngữ liệu

HƯƠNG GIANG HIỂU PHIẾM¹ (Buổi sáng đi thuyền trên sông Hương)

Thiệu Trị

Phiên âm

Nhất phái uyên nguyên hộ đế thành,
Thanh lưu sấn tảo nhạ lương sinh.
Ba bình xuân thủy lung yên sắc,
Chu trục thần phong động lỗ thanh.
Thiên tử vị can nhu ngạn thụ,
Sơn hoa do luyến kết vân anh.
Kỉ hồi hà yết Thương Lang² khúc,
Song khuyết phương thăng thụy nhật minh.

Dịch nghĩa

Một dòng nước sâu cuộn chảy bảo vệ kinh thành,
Trong sáng sớm (dùng thuyền) tiến theo dòng nước trong, cảm thấy hơi mát lạnh.
Dòng sông vào mùa xuân sóng lặng bao trùm khói mờ,
Vang tiếng chèo đẩy thuyền đi trong gió sớm.
Cây cối hai bên bờ sông còn đẫm ướt sương,
Hoa trên núi còn vương vấn với mây đẹp dễ.
Đi không biết bao lâu rồi mà dòng nước trong vẫn chưa dứt,
Qua cửa sổ thuyền nhìn thấy mặt trời tốt lành sáng tỏ đang lên cao.



Hình 1.6. Nhà bia khắc bài thơ *Hương Giang hiểu phiếm*.

¹ Năm 1843, vua Thiệu Trị cho dựng nhà bia khắc bài thơ *Hương Giang hiểu phiếm* ở bên phải Phu Văn Lâu.

² Thương Lang: Tên một dòng sông ở Trung Quốc, nơi Mạnh Tử giặt mũ, rửa chân.

Dịch thơ

Ôm lấy kinh đô nước uốn dòng,
 Thả thuyền ban sớm nhẹ thông dong.
 Dòng xuân sóng lặng trùm hơi khói,
 Nhịp mái thuyền xuôi phủ gió rung.
 Cây cối vắn vương sương vẫn đắm,
 Cỏ hoa quyến luyến mây còn ngưng.
 Bao lâu nào rõ dòng chưa dứt,
 Đã thấy trời đông hửng ánh dương.



Hình 1.7. Cầu Trường Tiền bắc qua sông Hương.

(Theo Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế, *Thần kinh nhị thập cảnh – Thơ vua Thiệu Trị*, Phan Thuận An, Phạm Đức Thành Dũng, Phan Thanh Hải, Nguyễn Phước Hải Trung phiên âm, dịch nghĩa và dịch thơ, NXB Thuận Hoá, 1997)



1. Dựa theo bản phiên âm, em hãy nhận xét về số dòng thơ, số chữ trong mỗi dòng và cách gieo vần trong bài thơ.
2. Trong bài thơ, quang cảnh thiên nhiên được miêu tả vào khoảng thời gian nào? Với những cảnh vật nào?
3. Nội dung được thể hiện trong bốn câu đầu và bốn câu sau của bài thơ khác nhau như thế nào?
4. Căn cứ vào nhan đề và nội dung của bài thơ, xác định vị trí tác giả nhìn ngắm, miêu tả quang cảnh và bộc lộ cảm xúc.
5. Em có những cảm nhận gì về tình cảm của tác giả đối với sông Hương? Hãy ghi lại cảm nhận đó bằng đoạn văn (5 – 8 dòng).



1. Đọc lại mục 2. Một số tác giả, tác phẩm thơ ca trung đại tiêu biểu của Thừa Thiên Huế và thực hiện các yêu cầu sau:
 - a. Nêu tên tác phẩm thơ ca tương ứng với tác giả trong bảng dưới đây:

STT	Tác giả	Tác phẩm
1	Nguyễn Hữu Hào	?
2	Nguyễn Cư Trinh	?
3	Ngô Thế Lân	?
4	Đặng Huy Trứ	?

b. Cho biết nghĩa của các từ Hán Việt sau:

Từ Hán Việt	Nghĩa
chính nghĩa	?
khuyết danh	?
hoàng đế	?
hoàng tộc	?
danh lam	?
canh tân	?
đại thần	?
danh tướng	?
di sản	?

2. Đọc ngữ liệu dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

Đọc cho hết bài thơ *Hương Giang hiếu phiếm* rồi lắng lại mà suy ngẫm từ một làn sương khói ban mai trên sông Hương. Một âm thanh nhẹ nhàng dịu dặt phát ra từ mái chèo tưởng cùng lắc lư với bờ cây đẫm sương đêm như say rượu trời. Trên đỉnh cao xa xanh của các ngọn núi, từng đoá hoa rừng như vẩy chào các làn mây trắng. Tất cả những điều như thế đã hoà vào nhau làm nên hồn sông, hồn nước, làm nên sự êm đềm vang ngân như một cỗi xa xăm âm thanh trong lắng sống động mà hài hòa để làm nên *Thương Lang khúc*. Và, chính vào thời điểm thần tiên đó, mặt trời bùng lên từ phương Đông phủ những tia nắng đầu ngày xuống vạn vật. Sông Hương như cánh cửa đón ánh sáng trời trước tiên làm bừng sáng cả kinh thành.

(Theo Mai Khắc Ứng, *Sông Hương – cỗi thơ thời mở cõi*,
Tạp chí Sông Hương, số 315, 05/2015)

- Xác định câu chủ đề của đoạn văn.
- Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện cảm xúc của tác giả về bài thơ?



- Thông qua internet, sách, báo, em hãy tìm hiểu và giới thiệu về tiểu sử và sự nghiệp của một trong các nhà thơ: Nguyễn Cư Trinh, Ngô Thế Lân, Thiệu Trị, Miên Thẩm, Miên Trinh, Mai Am, Đặng Huy Trứ.
- Tìm và giới thiệu một bài thơ được chạm khắc trên kiến trúc cung đình mà em biết.
- Tên các nhà thơ trung đại Thừa Thiên Huế thường được dùng để đặt cho đường phố, trường học,... Hãy tìm hiểu và giới thiệu về một trong những đường phố hoặc trường học ấy.

Bài 2

VĂN XUÔI TRUNG ĐẠI THỪA THIÊN HUẾ



Văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế tương đối đa dạng về thể loại và đạt được nhiều dấu ấn. Trong đó nổi bật nhất là thể loại kí và truyện với sự góp mặt của nhiều tác giả tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam. Đây chính là tiền đề quan trọng tạo nên tiến trình hiện đại hoá văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Kể tên một tác phẩm văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế.



Hình 2.1. Tầng Thư Lâu¹ (nhìn từ trên cao), đường Đinh Tiên Hoàng, Thuận Thành, thành phố Huế.

1 Khái quát về văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế

Văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế xuất hiện và để lại dấu ấn bắt đầu từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX. Những tác phẩm văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế ra đời và phát triển trong môi trường xã hội gắn liền với sự trị vì của vua chúa nhà Nguyễn.

Văn xuôi trung đại được phân chia thành kí và truyện. Đây là những thể loại đạt được nhiều dấu ấn hơn cả. Nội dung của kí và truyện tương đối phong phú, phản ánh một phần bức tranh hiện thực lịch sử, xã hội, con người. Nghệ thuật của kí và truyện cũng có một số tìm tòi đáng chú ý.

Tuy dấu ấn văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế trong tiến trình văn học trung đại không đậm nét như thơ ca nhưng văn xuôi vẫn âm thầm chảy một dòng chảy riêng trong nguồn chung của văn học trung đại, là tiền đề quan trọng tạo nên quá trình hiện đại hoá văn học đầu thế kỉ XX.



Văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế gồm những thể loại nào và phản ánh những nội dung gì?

¹ Tầng Thư Lâu được xây dựng vào năm 1825 dưới triều vua Minh Mạng. Nơi đây lưu giữ các tài liệu quý liên quan đến sinh hoạt của triều đình và những thay đổi của đất nước.

2 Các thể loại văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế

2.1. Kí

So với các thể loại văn xuôi khác, kí phát triển khá chậm. Mãi đến thế kỉ XVIII – XIX, kí mới thật sự xác lập vị trí của một thể loại độc lập với những thành tựu khá nổi bật. Những tác phẩm và tác giả tiêu biểu: *Công du tiếp kí* (Vũ Phương Đề (1698 – 1761)), *Tiên tướng công niên phả lục* và *Trần Khiêm Đường niên phả lục* (Trần Tiến (1709 – 1770)), *Thuợng kinh kí sự* (Lê Hữu Trác (1720 – 1791)), *Bắc hành tùng kí* (Lê Quýnh (1750 – 1805)), *Tang thương ngẫu lục*, *Vũ trung tùy bút* và *Châu Phong tạp thảo* (Phạm Đình Hồ (1768 – 1839)), trong đó *Tang thương ngẫu lục* viết cùng Nguyễn Ân (1770 – 1815),...

Đội ngũ sáng tác kí ở Thừa Thiên Huế là các danh sĩ người Thừa Thiên Huế. Đề tài và thể loại kí khá đa dạng: nhật kí hành trình, hồi kí, bản điều trần, mạn đàm, tựa sách,...

Dưới triều đại nhà Nguyễn, trước những yêu cầu cấp bách về việc canh tân, đổi mới đất nước, cùng với việc mở rộng bang giao với nước ngoài, nhiều vị quan đã được triều đình cử sang phương Tây công cán, học hỏi. Do tính chất công việc, họ đã ghi chép lại những điều mắt thấy tai nghe về các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học công nghệ của phương Tây. Từ đây những tác phẩm kí dưới dạng nhật kí hành trình đầu tiên viết về thế giới phương Tây xuất hiện và mở ra một hướng sáng tác mới, thu hút một lực lượng khá đông đảo các tác giả như: Phạm Phú Thứ, Phan Thanh Giản, Ngụy Khắc Đản, Nguyễn Trường Tộ,... trong đó có cả các tác giả Thừa Thiên Huế như Đặng Huy Trứ, Nguyễn Lộ Trạch,... Tiếp xúc với người phương Tây, các tác giả thể hiện sự khâm phục xen lẫn tò mò trước những thành tựu khoa học kĩ thuật của họ, nhưng không vì thế mà cảm thấy tự ti, mặc cảm thua kém. Những ghi chép tỉ mỉ với các mốc thời gian, địa điểm, sự việc cụ thể là kết quả của sự quan sát, học hỏi, tích lũy kiến thức của các tác giả. Ngôn ngữ kí vừa khách quan vừa hào hứng vì lần đầu được tiếp xúc, tìm hiểu nhiều điều mới lạ.

Bên cạnh nhật kí hành trình, kí của các tác giả trung đại ở Thừa Thiên Huế còn xuất hiện dưới dạng hồi kí, mạn đàm, tựa sách. Tiêu biểu là tác giả Đặng Huy Trứ.



Kí là loại tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thực. Trong kí có kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết. [...] Với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc. Sự việc thường kể theo trình tự thời gian. Tác giả có thể xưng “tôi”, có vai trò như người kể chuyện.

(Theo *Ngữ văn 6*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr.109)



Nêu hoàn cảnh ra đời và nội dung của thể loại nhật kí hành trình.

Đặng Dịch Trai ngôn hành lục của Đặng Huy Trứ là những trang hồi kí ghi lại thời kì đất nước bình yên, hiện lên chân thực qua lời nói, việc làm, quan niệm sống đầy triết lí nhân sinh của thân phụ ông. Ngoài tác phẩm này, Đặng Huy Trứ còn có một số bài viết tản mạn như: *Bài tựa sách “Những nguyên tắc chủ yếu của việc không nhận và nhận”*; *Hiệu ảnh Cảm Hiếu Đường*; *Bài tựa sách “Kỉ sự tân biên”*,...

Trong khi ốm được *Dã Trì chủ nhân* chỉ giáo, làm thơ ghi lại của Đặng Huy Trứ là một thiên kí độc đáo. Tác giả tưởng tượng ra một nhân vật Trung Hoa có tên là *Dã Trì chủ nhân* đến chỗ mình đang trọ nói chuyện và chỉ ra 11 điều khổ mà tác giả đang phải chịu đựng như ăn, ở, mặc, ngủ, đi lại, ốm đau, họ hàng, bạn bè,... Song tác giả đã lập luận để khẳng định bản lĩnh, chí khí của mình. Đồng thời, ông cũng trực diện phản ánh nỗi khổ của người dân dưới ách cai trị của thực dân Pháp. Tác phẩm của Đặng Huy Trứ không những ghi chép người thật, việc thật mà còn gắn với nhiều tâm sự, trăn trở về cuộc sống của tác giả. Ngôn ngữ nghệ thuật đậm chất suy tư, chiêm nghiệm, đúc rút những bài học sâu sắc.

Sau Đặng Huy Trứ, kí của Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Lộ Trạch chủ yếu là những ghi chép phục vụ cho công việc thực tế. Ở chức trách của một vị quan, các tác giả đã viết những bản kiến nghị, những bản trình bày công việc cần làm gấp, cần cử người đi học kĩ thuật, học ngoại ngữ,... và những kế sách để đổi mới đất nước dâng lên nhà vua.

Quy uu lục của Nguyễn Lộ Trạch là nỗi lòng lo lắng khôn nguôi về đất nước và những sách lược mong đưa đất nước vượt qua cơn hiểm hoạ do thực dân Pháp gây ra.

Ngôn ngữ trong những tác phẩm của Nguyễn Lộ Trạch thể hiện sự chặt chẽ trong lập luận, phân tích, trình bày nhằm thuyết phục nhà vua đưa ra các chính sách giúp đất nước phát triển.

2.2. Truyện

Nam triều công nghiệp diễn chí của Nguyễn Khoa Chiêm (1659 – 1736) là tác phẩm tiêu biểu của văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế nói riêng và văn xuôi trung đại Việt Nam nói chung. Tác phẩm vừa bám sát các sự kiện, nhân vật lịch sử có thật vừa tưởng tượng, hư cấu để câu chuyện thêm hấp dẫn. Truyện kể về công lao sự nghiệp



Tự thuật là một trong những thể tài của kí. Kí tự thuật thường được dùng để kể lại cuộc đời của chính tác giả với những kỉ niệm, sự kiện tác động đến tâm tư, tình cảm, nhận thức xã hội của họ. Tác giả trong kí tự thuật thường dùng đại từ ngôi thứ nhất để kể lại câu chuyện một cách trung thực, khách quan, không hư cấu.



Nêu nội dung của hồi kí *Đặng Dịch Trai ngôn hành lục* của Đặng Huy Trứ.



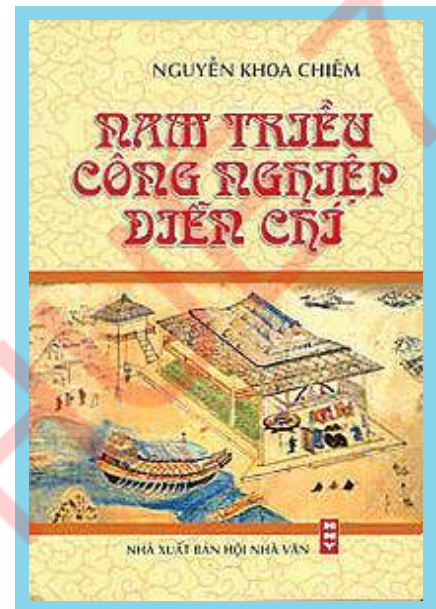
Nêu một số nét về nội dung và nghệ thuật trong các tác phẩm kí của Nguyễn Lộ Trạch.

của Nam triều và được hoàn thành năm 1719 khi Nguyễn Khoa Chiêm đang giữ chức Cai bạ kiêm Phó Đoán sự đời Hiến Tông Nguyễn Phúc Chu. Tác phẩm phản ánh khá chân thật lịch sử xã hội Việt Nam những năm giữa thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVII, trong đó chủ yếu miêu tả quá trình hình thành Nam – Bắc triều từ 1558 và đặc biệt nội chiến Nam – Bắc triều trong vòng 45 năm từ 1627 đến 1672.

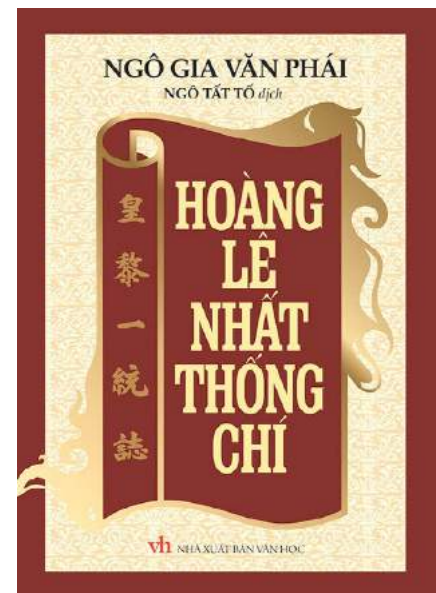
Song song với mảng chiến trận, tác phẩm cũng dừng lại miêu tả những sự kiện đáng chú ý ở cả Bắc triều và Nam triều. Ở Đàng Ngoài, triều Lê – Trịnh ngay từ buổi đầu trung hưng cũng đã bộc lộ nhiều mâu thuẫn gay gắt. Tình hình ở Đàng Trong, nội bộ Nam triều cũng không kém phần khốc liệt với những vụ tranh chấp quyền lực đổ máu. Cùng với các sự kiện lịch sử, tác giả cũng đã tái hiện nhiều nhân vật lịch sử tiêu biểu: Trịnh Tùng, Trịnh Tráng,... (Đàng Ngoài), Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tiến,... (Đàng Trong).

Nguyễn Khoa Chiêm đã sử dụng lối kể chuyện tự nhiên, sinh động, chân thực. Qua việc lựa chọn, sắp xếp các tình tiết để củng cố cốt truyện theo từng mảng sự kiện, từng mảng nhân vật,... tác phẩm không đơn giản là bảng liệt kê biên niên sự kiện, mà các nhân vật lịch sử hiện lên khá sinh động về tính cách, hành động. Đáng chú ý, trong truyện, tác giả đã xây dựng những lời đối thoại giữa các nhân vật để làm rõ tính cách, suy nghĩ của mỗi người. Dưới mỗi sự kiện ghi lại một bài thơ bình luận, thể hiện cảm xúc, góp phần mang lại sắc thái trữ tình cho tác phẩm.

Sau *Nam triều công nghiệp điển chí* của Nguyễn Khoa Chiêm, truyện viết về đề tài lịch sử chuyển dần ra Bắc với một số tác phẩm tiêu biểu: *Thiên Nam liệt truyện* (không rõ tác giả), *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái), *Hoàng Việt long hưng chí* (Ngô Giáp Đậu (1853 – 1929)), *Việt Lam tiểu sử* (Lê Hoan (1856 – 1915)),... và kết thúc chặng đường phát triển của mình¹.



Hình 2.4. Bìa sách *Nam triều công nghiệp điển chí*, NXB Hội Nhà văn, 2003.



Hình 2.5. Bìa sách *Hoàng Lê nhất thống chí*, NXB Văn học, 2017.

¹ Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, Tập ba: *Tiểu thuyết chương hồi*, Nguyễn Đăng Na giới thiệu và tuyển soạn, NXB Giáo dục, 2000.

3 Ngữ liệu

CHA TÔI

(Trích *Đặng Dịch Trai ngôn hành lục*¹)

Đặng Huy Trứ

Mùa thu năm Quý Mão (1843), tôi theo cha cùng người anh con bác trưởng là Đặng Huy Sĩ đến trường Phú Xuân² để thi.

Chiều hôm trước ngày yết bảng công bố kết quả, tôi đi xem hát ở phủ An Phong, Hồng Bảo.

[...] Xướng đến người thứ ba, tiếng loa nói:

- Người xã Bác Vọng³...

Tiếng loa chưa dứt thì sĩ tử đã thét lên:

- Tiên sinh họ Đặng⁴ đỗ rồi. Người như thế, đỗ như thế là hợp với điều trông mong của mọi chúng ta. Chúng ta may mà được xếp bên dưới tiên sinh cũng là phúc rồi.

Khoa này, ngoài ba người họ Đặng nhà tôi đi thi, trong xã có Đặng Văn Minh ở giáp⁵ Đông, Trương Văn Nguyên và Lê Văn Hội ở giáp Tây.

Cha tôi đang từ tốn cảm tạ mọi người thì tiếng loa chợt xướng đến tên tôi:

- Đặng Huy Trứ...

Mọi người ngạc nhiên:

- Lạ nhỉ! Cha không đỗ mà con lại đỗ. Do số mệnh chăng? [...]

[...] Các em nhỏ vội chạy báo tôi mau về. Về đến nơi thì thấy cha tôi đã chuẩn bị bốn người bạn và giao cho anh Trần Huyền Phủ, con cô thứ hai đưa tôi vào trường thi. [...]

Tôi bái lĩnh mũ áo trở ra. Sĩ tử bầy tình đi xem bảng lúc ấy thấy cha tôi dựa vào cây xoài, nước mắt ướt áo. Mọi người lấy làm lạ hỏi:

- Con đỗ cao là việc đáng mừng, sao cụ lại khóc như gặp việc chẳng lành vậy?

Cha tôi nói:

- Có gì đáng vui đâu. Đỗ đạt cao là để dành cho người có phúc đức. Con tôi tính tình chưa già dặn, chưa có đức nghiệp gì. Lúc đầu nghĩ cho hấn đi thi, chẳng qua là muốn cho hấn quen với tiếng trống trường thi mà thôi, may mà đỗ được tú tài thì ở nhà dạy trẻ cũng đủ miếng cơm manh áo, chẳng may nữa thì cũng khỏi



Hình 2.6. Kinh thành Huế, thành phố Huế.

¹ *Đặng Dịch Trai ngôn hành lục*: ghi chép về lời nói và việc làm của Đặng Dịch Trai. Dịch Trai là tên hiệu của Đặng Văn Trọng, cha của Đặng Huy Trứ.

² Trường Phú Xuân: trường thi ở Huế lúc bấy giờ.

³ Gia đình Đặng Huy Trứ sinh trưởng ở Thanh Lương, khi đi thi ông lại đăng kí quê ở Bác Vọng.

⁴ Họ Đặng: chỉ Đặng Văn Trọng.

⁵ Giáp: đơn vị hành chính thời xưa, nhỏ hơn thôn.

phải đi phu phen, binh dịch¹, đâu dám có tham vọng được dự yến vua ban. Nào ngờ, mới một lần đi thi lại trúng thứ ba. Đó là do triều đình nuôi dưỡng, tổ tông tích đức, gia đình giáo dục mà được thế. Chỉ sợ rồi lại kiêu căng, tự mãn, ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung, phúc đâu chẳng thấy, họa đã sẵn chờ. Cổ nhân đã nói: “Thiếu niên đăng khoa nhất bất hạnh dã!”². Thuyền nhỏ kham sao nổi trọng tải lớn! Tôi lo lắng là vì thế. Nhìn lên, tôi đội ơn tác thành của thiên tử, lại cảm kích công vun trồng của tổ tiên, chỉ sợ con tôi không báo đáp được nghĩa nặng ơn dày nên không cầm nổi nước mắt.

Nói rồi, nước mắt vẫn cứ ứa ra, bạn bè khuyên giải mới thôi. Mọi người đều nói:

- Cha như thế, con như thế đủ rõ nên nếp giáo dục của gia đình. “Bỉ sắc tu phong”³, được bề này thì mất bề kia, vốn là đạo trời vậy.

Rồi vỗ vai tôi và nói:

- Vị tân khoa hãy cố gắng cho thân phụ khỏi lo.

*
* * *

Khoa thi Hội⁴ mùa xuân năm Đinh Mùi (1847) nhân tứ tuần đại khánh⁵ của đức Hiến tổ Chương Hoàng đế Thiệu Trị, vua cho mở Ân khoa. Tôi đi thi. Đề thi kinh nghĩa do chính vua ra. Cả hai vi Giáp, Ất⁶ không một thí sinh nào làm được đủ các đề, tôi làm đủ và được bảy phân. Còn bài văn đối sách thì không sát đề lắm. Các quan chấm thi là Phan Thanh Giản, Trương Quốc Dụng⁷ đem quyển thi dâng vua, vua xem lại và nói: “Không nở vì một tí vết mà bỏ” và cho tôi đỗ. Tôi được xếp thứ bảy. [...]

Tin tôi thi Hội đỗ báo về. Cha tôi lại rót nước mắt và nói:

- Bậc đỗ đại khoa ắt phải là người phúc phận lớn. Con tôi đức độ ra sao mà được như vậy, chỉ làm cho tôi thêm lo lắng.

Vào thi Đình, đề cũng do vua ra. Làm đến đoạn ca ngợi công đức, tôi dùng hai chữ “phong đô”, không nhớ “phong đô” đồng âm với “phong đô địa phủ”. Đến bài văn sách, đoạn nói về “cỏ dại làm hại lúa non” tôi dùng bốn chữ “nha miêu chi hại”⁸, không để ý rằng “nha miêu” là đồng âm với “Gia Miêu”, mà Gia Miêu là quê hương của nhà vua⁹.

¹ Thời xưa, ai đỗ từ tú tài trở lên thì được miễn đi lính, đi phu.

² Câu này lấy ý của Trình Di (1033 - 1107) người Bắc Tống: Con người có ba điều bất hạnh: tuổi trẻ mà đỗ đạt cao là điều bất hạnh thứ nhất; dựa vào uy thế của cha anh để được quan cao lộc hậu là điều bất hạnh thứ hai; có tài cao, giỏi văn chương là điều bất hạnh thứ ba.

³ Bỉ sắc tu phong: mặt này hơn thì mặt kia kém đi. Đây là quan niệm của người xưa, hơn cái này thì kém cái khác, được cái này thì mất cái kia,...

⁴ Thi Hội: khoa thi do triều đình tổ chức, thường ba năm mở một lần, thí sinh phải đỗ thi Hương mới được dự. Người đỗ kì thi Hội được học vị tiến sĩ.

⁵ Tứ tuần đại khánh: ngày mừng vua bốn mươi tuổi.

⁶ Ngày xưa, trường thi thường chia thành từng lô, gọi là vi, đánh thứ tự Giáp, Ất, Bính, ... cho nên ở đây Giáp là một, Ất là hai,...

⁷ Phan Thanh Giản, người Bến Tre, đỗ tiến sĩ năm 1826; Trương Quốc Dụng (1797 - 1864), người Hà Tĩnh, đỗ tiến sĩ năm 1829. Hai ông đều làm giám khảo khoa thi năm 1847.

⁸ Nha miêu chi hại: cái làm hại lúa non.

⁹ Gia Miêu: quê của các vua triều Nguyễn; bởi vậy, câu “nha miêu chi hại” có thể hiểu là “cái làm hại của Gia Miêu”.

Quan giám khảo là Hà Duy Phiên, người Hoàng Đạo, Thanh Hoá, là Hiệp biện đại học sĩ tâu lên vua, tôi liền bị truất tiến sĩ và cách cả bằng cử nhân khoa trước, chờ khoa sau cho thi lại.

Kì thi Đình năm ấy vào ngày 26 tháng 4. Đúng hôm đó, từ cuối nhà bên trái điện Cần Chánh báo tin dữ: bác ngự y Đặng Văn Chúc¹ mất [...]. Tôi thì vừa bị đánh hỏng trong kì thi Đình [...]. Cả nhà lại càng buồn cho tôi. Riêng cha tôi cho rằng việc tôi bị truất cả tiến sĩ và cử nhân như không có chuyện gì đáng kể, chỉ thở dài và nói:

- Nay chặt chân tay tôi, róc thịt xương tôi cũng được, tôi chỉ thương anh tôi thôi! Công việc của Trứ không đáng kể. Khi người ta đầy đủ lắm thì trời gạt bớt đi cho bằng. Gia đình ta cực kì thịnh mãn rồi, việc Trứ gặp phải như vậy là phúc cho nhà ta mà cũng là cái may lớn cho bản thân Trứ. Song, sau cơn mưa sấm sét, mưa móc lại có thể tươi nhuận. Trứ nếu cố gắng chịu khó học vẫn còn nhiều hi vọng. Riêng anh của ta ra đi là ra đi mãi mãi. Từ nay về sau có muốn chụm đầu vào nhau mà hàn huyên cũng không thể nào được nữa rồi.

Mấy ngày sau, việc tang bác tôi hơi thư, cha tôi mới khuyên nhủ tôi:

- Đã vào thi Đình thì không còn đánh trượt nữa, từ đời Lê đến nay như thế đã lâu mà nay con lại bị đánh trượt. Nhưng thôi. Nhân việc sai lầm tội lỗi của con, Táo quân tâu lên Thiên tào, Âm ti thì hành lệnh phạt, tước cả khoa danh của con là để rèn luyện cho con nên người. Con không được vì thế mà thoái chí. Ông Phạm Văn Huy ở Thiên Lộc, ông Mai Anh Tuấn ở Thanh Hoá trước đây cũng đã từng bị cách cử nhân. Về sau, một người đỗ hoàng giáp, một người đỗ thám hoa. Buổi sáng mất, buổi chiều lại thu về, hẳn là sau khi bị cách, các ông ấy đã nỗ lực tu tỉnh, cho nên đã sẩy chân ngã mà lại đứng lên được. Tài học, phẩm hạnh của con còn kém các ông ấy muôn lần. Người ta ai chẳng có lúc mắc sai lầm, quý là ở chỗ biết sửa chữa. Lúc này đây quả lớn đã rụng nhưng cũng là lúc quả khác lại sinh ra. Con phải kịp thời tu tỉnh, sửa mình.

Tôi vâng nghiêm lệnh của cha tôi, chúm mũi vào học.

(*Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, Tập hai: Kí, nhóm Trà Linh dịch, Nguyễn Đăng Na giới thiệu và tuyển soạn, NXB Giáo dục, 2001)



1. Chọn phương án đúng cho các câu hỏi sau đây:

a. Đại từ nhân xưng được dùng trong văn bản trên là gì?

- A. Ngôi thứ nhất.
- B. Ngôi thứ hai.
- C. Ngôi thứ ba.
- D. Ngôi thứ nhất kết hợp ngôi thứ ba.

¹ Đặng Văn Chúc: anh của Đặng Văn Trọng; bác ruột của Đặng Huy Trứ.

- b.** Trong văn bản trên, Đặng Dịch Trai là tên hiệu của:
- Đặng Văn Chúc, bác ruột của Đặng Huy Trứ.
 - Đặng Văn Trọng, cha của Đặng Huy Trứ.
 - Đặng Huy Sĩ, anh con bác trưởng của Đặng Huy Trứ.
 - Đặng Huy Trứ.

- c.** Trình tự các kì thi được tổ chức dưới triều đại nhà Nguyễn:
- Thi Hương – Thi Đình – Thi Hội.
 - Thi Hội – Thi Đình – Thi Hương.
 - Thi Hương – Thi Hội – Thi Đình.
 - Thi Đình – Thi Hội – Thi Hương.

- Đoạn trích trên có mấy sự kiện chính? Vẽ sơ đồ diễn biến của các sự kiện trong câu chuyện.
- Nêu ý nghĩa đoạn kết của văn bản, lời khuyên răn của thân phụ Đặng Huy Trứ: “Ông Phạm Văn Huy ở Thiên Lộc... Con phải kịp thời tu tính, sửa mình”.
- Em hiểu câu nói của thân phụ Đặng Huy Trứ: “Sau cơn mưa sấm sét, mưa móc lại có thể tươi nhuận” như thế nào?
- Viết đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về những lời răn dạy của người cha trong đoạn trích *Cha tôi* của Đặng Huy Trứ.



- Văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế bao gồm những thể loại nào?
- Em hãy khái quát các đặc điểm nổi bật của văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế.
- Em hãy kể tên một số tác phẩm kí tiêu biểu của Đặng Huy Trứ.
- Truyện *Nam triều công nghiệp điển chí* của Nguyễn Khoa Chiêm viết về nội dung gì?
- Em hãy chỉ ra nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện *Nam triều công nghiệp điển chí*.
- Nêu tên tác phẩm tương ứng với tác giả dưới đây:

STT	Tác giả	Tác phẩm
1	Vũ Phương Đề	?
2	Phạm Đình Hồ	?
3	Đặng Huy Trứ	?
4	Nguyễn Án	?
5	Nguyễn Lộ Trạch	?

6	Nguyễn Khoa Chiêm	?
7	Ngô gia văn phái	?
8	Ngô Giáp Đậu	?
9	Lê Hữu Trác	?



1. Thông qua Internet, sách báo, em hãy tìm hiểu và giới thiệu về tiểu sử và sự nghiệp của một trong các tác giả văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế.
2. Thiết kế một áp phích (có sử dụng tranh, ảnh minh họa) giới thiệu về một trong những tác phẩm văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế.
3. Kể tên đường phố, trường học được đặt theo tên của những tác giả văn xuôi trung đại Thừa Thiên Huế. Hãy tìm hiểu và giới thiệu về một trong những đường phố, trường học đó.

Gợi ý:

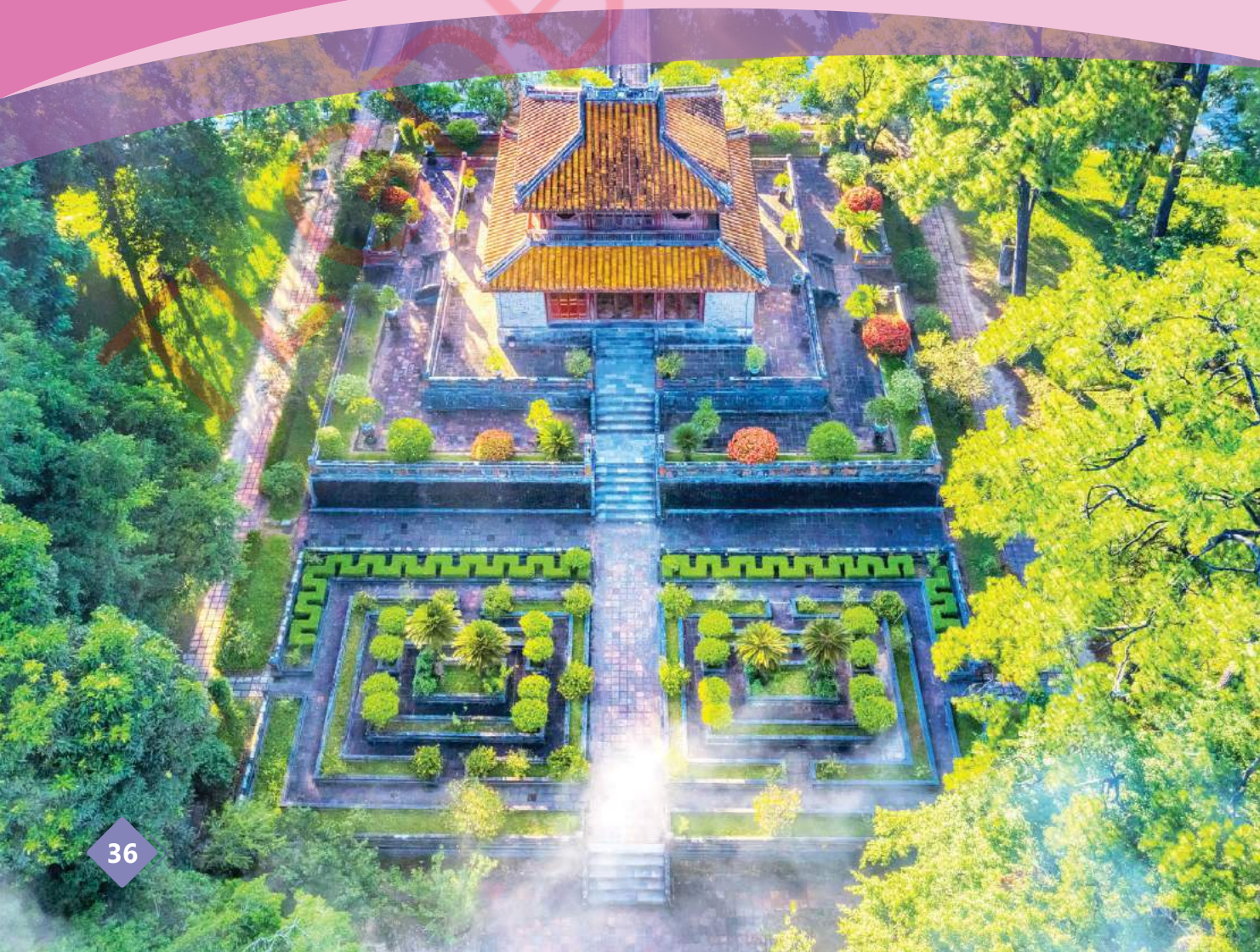
- Vị trí, địa chỉ;
- Một vài bức ảnh về khung cảnh ở đó.

CHỦ ĐỀ

MĨ THUẬT TRUYỀN THỐNG THỪA THIÊN HUẾ

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được những yếu tố đặc trưng, ý nghĩa và giá trị của tranh dân gian làng Sình trong đời sống.
- Nêu được những đặc trưng cơ bản về kiến trúc (dân gian và cung đình), các hoa văn trang trí tiêu biểu trên các công trình kiến trúc thời Nguyễn.
- Trình bày được các đặc trưng cơ bản của nghệ thuật điêu khắc thông qua các tác phẩm tại các công trình thuộc Quần thể di tích Cố đô Huế.
- Biết trân trọng, có ý thức giữ gìn và quảng bá các giá trị tiêu biểu của mỹ thuật thời Nguyễn.



Bài 1

TRANH DÂN GIAN LÀNG SÌNH

Bên cạnh các dòng tranh khác ở Huế như tranh gương Tiên Nộn (Bao Vinh); trướng liễn làng Chuồn (An Truyền), thì tranh dân gian làng Sình là một trong những dòng tranh tín ngưỡng tại Việt Nam nói chung và tại Huế nói riêng. Cùng với chiều dài lịch sử, dòng tranh làng Sình đã gắn bó với với người dân xứ Huế trong đời sống sinh hoạt hằng ngày, là bệ đỡ tinh thần, là sự gửi gắm ước vọng của người dân về một cuộc sống tốt đẹp hơn. Làng nghề Tranh dân gian làng Sình đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế công nhận là làng nghề truyền thống (Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 12/5/2016).



Hình 1.1. Nghệ nhân Kỳ Hữu Phước đang phơi tranh.

1 Khái quát về làng Sình

Đây là một ngôi làng cổ nổi tiếng với nghề làm tranh thờ cúng và hoa giấy. Làng Sình nằm ở ven bờ sông Hương có diện tích khoảng 2,5 km², cách trung tâm thành phố Huế khoảng 10 km. Người dân ở làng Sình chủ yếu làm nông nghiệp. Nơi đây còn có chùa Sùng Hoá (được ghi chép trong cuốn *Ô châu cận lục* của Dương Văn An). Nguồn gốc của người dân làng Sình đa phần đến từ các vùng Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh và Hải Dương từ khoảng cuối thế kỉ XV. Từ năm 1558, khi chúa Tiên (Nguyễn Hoàng) vào trấn thủ ở Thuận Hoá thì cư dân tại làng Sình cũng phát triển hơn, nghề làm tranh vì vậy mà cũng phát triển mạnh trong khoảng thời gian này.



Làng Sình (là tên Nôm của làng Lại Ân hiện nay) thuộc xã Phú Mậu, thành phố Huế. Đây là vùng đồng bằng ven biển nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Thừa Thiên Huế, phía Nam giáp 2 huyện Phú Lộc và Hương Thủy, phía Bắc giáp huyện Hương Trà và phía Đông giáp biển Đông. Nghề làm tranh làng Sình còn được gọi bởi nhiều tên khác nhau như: nghề hồ điệp, nghề Sình, nghề bồi, nghề giấy,...

Tranh làng Sình chỉ có duy nhất bản khắc nét (để in nét đen), tranh Đông Hồ bên cạnh bản khắc nét còn có các bản khắc màu (có bao nhiêu màu thì bấy nhiêu bản khắc), mỗi bản khắc chỉ in được một màu. Tranh làng Sình phần màu được tô bằng tay, tranh Đông Hồ phần màu được in thông qua các bản khắc. Ngoài ra còn có một dòng tranh dân gian khác khá tương đồng với tranh làng Sình đó là tranh Hàng Trống, tranh Kim Hoàng. Về cơ bản ba dòng tranh này có kĩ thuật in và tô màu khá giống nhau.

2 Đôi nét về dòng tranh dân gian làng Sinh

Đây là dòng tranh dân gian có lịch sử lâu đời (khoảng 450 năm). Mục đích chủ yếu là phục vụ cho các nghi lễ tín ngưỡng của người dân xứ Huế nói riêng và khu vực miền Trung nói chung. Dòng tranh này có ý nghĩa mang những điều mong ước của người dân về một cuộc sống tốt đẹp hơn. Bộ tranh “thế mạng” (hoán vị) được xem là một nét riêng nổi bật mà những dòng tranh khác không có được. Tranh làng Sinh cũng có nguồn gốc tương đồng về mặt kỹ thuật in và tô màu cơ bản với dòng tranh Đông Hồ, Hàng Trống và Kim Hoàng nhưng khác nhau về mục đích sử dụng. Tranh làng Sinh mang một nét đẹp mộc mạc, giản dị phản ánh được những giá trị thẩm mỹ mang tính dân gian với những hình tượng thân thuộc, gần gũi với cư dân địa phương. Màu sắc chủ đạo trong tranh là màu đen của bản in nét, theo hệ màu ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ). Tranh thường được đốt (hoá) sau khi hoàn tất các hoạt động lễ nghi chính, vì vậy tranh làng Sinh không chỉ mang những giá trị thẩm mỹ mà còn thấm đượm màu sắc tâm linh.



Đọc thông tin và dựa vào hiểu biết của bản thân, em hãy:

1. Cho biết một số nét khái quát về lịch sử tranh làng Sinh.
2. Cho biết mục đích và ý nghĩa về sự ra đời của dòng tranh dân gian làng Sinh.

3 Quy trình làm tranh

3.1. Đục ván in

Ván in sẽ được can hình trước khi đục. Bản vẽ nét sẽ được phóng hình từ phác thảo bằng bút chì lên mặt phẳng tấm gỗ, sau đó đục tách và loại bỏ những phần thừa trên bề mặt, giữ lại các nét hình của chủ thể in. Phần được giữ lại (phần dương) sẽ là phần nét đen in vào tranh; phần lõm (phần âm) là phần được đục bỏ đi, phần này không tiếp xúc với giấy in. Bản khắc thường sử dụng các nét liền nên trong phần phác thảo nét cần chú ý tính liên mạch của nét. Người nghệ nhân sẽ dùng các bộ đục gỗ (đầu bằng kim loại, cán gỗ) để bóc tách phần gỗ thừa. Bộ đục này có nhiều kích cỡ và đặc tính khác nhau để phù hợp với các hình vẽ khác nhau.

3.2. In bản nét (đen trắng)

Trước khi in, cần làm sạch bề mặt của bản khắc. Màu đen được bôi lên bản in bằng tấm xốp mút loại mềm, đảm bảo trong quá trình bôi màu đen vào bản khắc màu được xoa đều, hạn chế bị đọng màu ở các góc. Giấy in được ủ ẩm để tăng độ tiếp xúc và hút màu trên giấy. Đặt giấy in lên trên bản khắc sao cho bố cục cân đối trên bản in. Dùng tay vuốt đều bề mặt của giấy (chú ý định vị và giữ chặt giấy trong quá trình vuốt). Dùng lòng bàn tay ấn và xoa đều tờ giấy để tất cả các phần nét đều tiếp xúc với mặt giấy. Nhấc đều toàn bộ giấy in ra khỏi bản khắc để phơi khô và chuẩn bị cho công đoạn tiếp theo là tô màu.



Hình 1.2. In bản nét đen trắng.

3.3. Tô màu

Sau khi thực hiện xong bản in nét đen trắng, tranh được phơi khô trước khi tiến hành bước tô màu cho bức tranh. Màu trong tranh dân gian làng Sình thường dùng các gam màu của ngũ hành, sử dụng các gam màu gốc từ các chất liệu tự nhiên sau đó hoà trộn với nhau ở những gam màu bậc 3 hoặc bậc 4. Màu được pha sẵn và được tô lên tranh bằng bút lông làm từ rễ cây dừa dại.



Hình 1.3. Tô màu (bằng bút rễ cây dừa dại).

3.4. Phơi tranh

Phơi tranh là công đoạn cuối cùng. Sau khi tô màu xong, tranh sẽ được phơi tại các dàn tre ở ngoài nắng trước khi xếp lại thành tập. Giấy in tranh thường làm rất mỏng, vì vậy cần chú ý không phơi tranh chồng lên nhau để tránh trường hợp thấm màu từ tranh này sang tranh khác.



Hình 1.4. Công đoạn phơi tranh sau khi tô màu.



Tranh dân gian làng Sinh thuộc dòng tranh khắc được in bằng kĩ thuật khắc gỗ (bản nét đen) kết hợp với vẽ tay truyền thống. Các bức tranh làng Sinh đều có những nét riêng khá thú vị do quá trình in bản nét đen trắng được dùng bằng tay để xoa và sau đó dùng bút để tô màu. Chính vì vậy độ đậm nhạt của các bản in nét cũng không giống nhau và bản màu cũng vậy. Điều này đã tạo cho tranh làng Sinh có những nét riêng độc đáo.



Đọc thông tin và quan sát các hình ảnh, em hãy:

1. Cho biết một số tên gọi khác của nghề làm tranh làng Sinh.
2. Trình bày tóm tắt các quy trình thực hiện tranh dân gian làng Sinh. Giai đoạn nào trong quy trình làm tranh mà em yêu thích nhất? Vì sao?

4 Vật liệu vẽ và dụng cụ thực hiện bản khắc

4.1. Giấy Dó

Tranh làng Sinh được làm bằng giấy Dó. Đây là một loại giấy được làm thủ công từ các vật liệu tự nhiên. Đặc tính cơ bản của giấy Dó là mỏng nhẹ, dễ hút ẩm và có độ hút màu rất tốt.

4.2. Bút vẽ

Bút vẽ được làm bằng rễ cây dứa dại, do đặc tính của rễ cây dứa dại có nhiều xơ theo thớ dọc. Vì vậy sau khi phơi khô và cắt tỉa theo hình cây bút lông có thể dùng để tô màu.

4.3. Màu vẽ

Màu vẽ tranh dân gian làng Sinh được điều chế chủ yếu từ nguyên liệu thiên nhiên như: lá bàng khô, lá đung, lá mối (sương sâm), hạt mồng tơi, hạt hoè, vỏ cây dương liễu, lá bông ngọt, lá trầm,... Những nguyên liệu này sau khi pha chế được trộn cùng với hồ điệp. Chất kết dính được nấu từ da trâu tươi trộn cùng với các màu.

4.4. Ván khắc

Thường được làm bởi các chất liệu gỗ mềm để thuận tiện cho các nghệ nhân đục tách nét. Bên cạnh đó loại gỗ này phải đáp ứng nhu cầu không được khô quá và có khả năng giữ ẩm trong một thời gian nhất định. Yếu tố này quyết định cho việc giữ mực trên các bản khắc được lâu hơn. Một số loại gỗ thường được sử dụng để làm bản khắc đó là: gỗ mước, gỗ thị, gỗ mít,... Ván in thường được làm từ các cạnh để tránh gây thủng giấy trong quá trình in.



◀ **Hình 1.5.** Ván khắc nét đen trắng tranh dân gian làng Sinh.

5 Bộ dụng cụ khắc bản in nét

Bộ dụng cụ để khắc bản nét được làm bằng sắt hoặc thép, cán gỗ. Bộ dụng cụ này còn được gọi là “bộ ve”. Tùy theo từng bức tranh để có thể chọn các mũi ve phù hợp. Bộ ve có thể phân thành 5 loại với các chức năng, yêu cầu sử dụng, mục đích tạo nét khác nhau. Ve móng là ve có lưỡi hình lòng máng rộng bản, có độ cong nhất định, gắn với cái chày, bặt của thợ mộc, nhưng lưỡi không thẳng. Ve thoảng là loại lưỡi ve có hình lòng máng nhưng mỏng hơn lưỡi móng, thường dùng để bặt, xoi các mảng lớn trên ván gỗ. Móng có thể tạo ra phần lõm không bắt màu khi xoa mực trên ván khắc. Ve thẳng lại là loại có lưỡi ve thẳng như cái đục của thợ mộc, chủ yếu để làm đứng nét và chắn góc, tạo ra nét rõ ràng trên bản gỗ. Ve dũi là loại rất khác biệt với lưỡi lòng máng khá đặc biệt, việc chế tác ra được lưỡi dũi là rất khó. Chức năng của dũi là để dũi ủi vào mạch gỗ, đào ủi phôi gỗ tạo nét cho tranh sâu, chắc, sắc cạnh. Cuối cùng có thể kể đến loại công cụ có tên là mũi xoi với đầu nhỏ, cánh thép mỏng, hơi cong, dùng để xoi cạnh, sửa lại nét khắc và gọt tỉa các chi tiết.



Hình 1.6. Bộ dụng cụ làm bản khắc nét.



Đọc thông tin và dựa vào hiểu biết của bản thân, em hãy cho biết nguồn gốc màu vẽ của tranh làng Sình được làm từ đâu? Kể tên một số chất liệu được dùng để làm màu vẽ từ thiên nhiên mà em biết.

6 Một số chủ đề trong tranh làng Sình

6.1. Bộ tranh cúng Gia tiên

Bộ tranh cúng Gia tiên gồm có các tranh: Táo Quân, Tiên Sư, Thổ Công, con Tra điệu (Thần Môn, Trấn Môn), khí dụng, cung tên, tiên xu, bạch hổ, hoàng hổ, ngựa bay, ngựa chạy,... Tranh cúng Thần tài - vị thần mang tài lộc đến cho mỗi gia đình. Thổ Công là vị thần trông coi, cai quản công việc bếp núc, định đoạt sự phúc lộc cho mọi gia đình. Thổ Địa là vị thần trông coi việc nhà cửa, Thổ Kỳ trông nom việc chợ búa, làm vai trò người nữ trong nhà, bảo vệ của cải, đất đai, vườn tược và hộ giám việc sinh sản.



Hình 1.7. Bản khắc tranh bếp.

6.2. Bộ tranh cúng bốn mạng dành cho phụ nữ

Bộ tranh cúng đức Bà bốn mạng chỉ cúng vào dịp đầu năm, sau khi cúng đón Tết Nguyên đán. Bộ tranh này bao gồm: Diêm Vương, Tam vị Phạm Tinh, Ngũ vị Hoàng tử, Bát Âm (gồm hai cô gái đàn nguyệt, hai cô gái đàn tì bà, hai cô đánh sanh tiền, hai cô thổi kèn), voi, ngựa, nhà kho, lầu ba tầng, thuyền ông Đốc, hai chậu bông, loại ba thuyền rồng, lục lễ, ảnh nữ. Có trường hợp cần thiết phải cúng ở am, thầy cúng đề nghị mua bộ Lễ Thành cúng cho phụ nữ chưa có bầu và thêm những tờ lốt rồng, lốt rắn, lốt hổ phù. Ngoài bộ Lễ Thành cúng cho phụ nữ chưa có bầu, cần mua thêm những bức như sau: Bà cưỡi cá chép (tức bà Mẫu Thoải), cô gái áo xanh cầm quạt, cô gái áo đỏ cầm quạt, voi, ngựa, nhà kho, lầu ba tầng, loại hai thuyền rồng, hai chậu bông.



Hình 1.8. Tranh Mẫu Thoải.

6.3. Bộ tranh cúng thế mạng

Bộ tranh cúng thế mạng (con ảnh) bao gồm: bộ ảnh cúng cho trẻ em, bộ ảnh cúng cho người lớn, tranh bà Càn Thát trên cây Chiên đàn, tranh Thập nhị thần, ông Phạm Thiên Vương, ông Tướng bắt trẻ, Y môn. Khi ốm đau đã chạy chữa nhưng không khỏi hay có báo mộng, có chuyện xảy ra chẳng lành, thầy cúng sẽ giải thích rằng có quỷ thần nào đó dưới âm ty muốn bắt đi. Vì vậy, hình ảnh những nhân vật trong tranh là những hình nhân thế mạng, sau khi cúng sẽ được đốt để thay thế cho gia chủ.



Hình 1.9. Con ảnh nữ (dùng cho gia chủ là nữ).

6.4. Bộ tranh cúng giải bệnh cho người cúng (cúng Quan Sát) và vật nuôi

Gồm có tranh cúng bệnh cho trẻ em (cúng Quan Sát gồm có bà Càn Thát, Phạm Thiên Vương, ông Tướng bắt trẻ), tranh heo, tranh bò, tranh trâu và sau này có tranh gà. Suy cho cùng, khi đốt và mong rằng con vật nuôi sẽ không chết thì đó cũng là một hình thức gần với quan niệm cúng thế mạng. Có thể tạm chia các đề tài thành các cấu trúc sau: tranh thần linh, hình nhân thế mạng, bốn mạng, tranh vật nuôi và động vật khác, tranh đồ vật và hoa lá.



Hình 1.10. Tranh gà.

7 Một số tranh tiêu biểu của làng Sình

Tranh Bếp, Tranh Bà, Con Tra điệu, Diêm Vương, Tam vị Phạm Tinh, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Ngũ vị Hoàng tử, Bát âm, con ảnh nữ, con ảnh nam, ảnh bé trai, ảnh bé gái, đồ 12 cô (thuyền 12 cô), bà Càn Thát, ông Tướng bắt trẻ, bạch hổ, hoàng hổ, ngựa bay, ngựa chạy, tranh trâu, tranh bò, tranh gà, lốt rồng, lốt rắn, lốt hổ phù, thập nhị thần (bộ tranh in khắc chung một bản), khí dụng, cung tên, tiền xu, tranh nhà kho, thuyền ông Đốc, thuyền Rồng, Phụng, hai chạu Bông, lầu ba tầng và lầu ba tầng có cổng tam quan, Áo Y (Y Môn).



Hình 1.11. Bản khắc hình con Tra điệu (Thần Môn – thần giữ cổng).

Đọc thông tin và quan sát các hình ảnh, em hãy:



1. Kể tên một số bức tranh tiêu biểu của làng Sình mà em thích nhất.
2. Kể tên một số dòng tranh dân gian mà em biết.



1. Em hãy kể tên một số chủ đề trong tranh dân gian làng Sình.
2. Nêu cảm nhận sau khi được học bài tranh dân gian làng Sình.
3. Em hãy vẽ lại một bức tranh dân gian làng Sình mà em ấn tượng nhất. Chia sẻ cảm nhận của em với các bạn trong lớp.
4. Em hãy tìm hiểu và so sánh sự giống nhau, khác nhau của tranh dân gian làng Sình với tranh dân gian Đông Hồ và tranh Kim Hoàng.
5. Cho biết một số giải pháp để bảo tồn các giá trị văn hoá nghệ thuật của dòng tranh dân gian làng Sình.

Bài 2

NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC THỜI NGUYỄN Ở HUẾ



Kiến trúc thời Nguyễn ở Huế bao gồm những công trình kiến trúc quan trọng nhất của triều đại nhà Nguyễn (kiểu kiến trúc thành lũy, kiểu kiến trúc tôn giáo, kiến trúc lăng tẩm), là minh chứng tiêu biểu cho sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của nghệ thuật kiến trúc, mỹ thuật thời Nguyễn trên mảnh đất cố đô từ đầu thế kỉ XIX.



Hình 2.1. Ngọ Môn, Kinh thành Huế.

1 Tổng quan về kiến trúc thời Nguyễn ở Huế

Qua rất nhiều thời kì lịch sử, mảnh đất Thừa Thiên Huế đã thu nạp trong mình nhiều tầng, di tích kiến trúc đặc sắc. Di sản kiến trúc của đô thị Huế bao gồm: Quần thể di tích Cố đô, các công trình kiến trúc cổ, các công trình kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng, các công trình thuộc địa có giá trị, các công trình nhà ở dân gian, các làng nghề truyền thống,... cùng với không gian cảnh quan của nó. Các di sản đó có giá trị đặc biệt, mang lại sức sống, thương hiệu Huế trong cả nước và trên thế giới.

Trong kho tàng kiến trúc cảnh quan phong phú của mình, kiến trúc thời Nguyễn ở Huế có thể xem là nét kiến trúc đặc trưng tiêu biểu nhất mà đại diện của nó là Quần thể di tích cố đô đã được UNESCO vinh danh là Di sản văn hoá thế giới vào ngày 11-12-1993.

Đọc thông tin và dựa vào hiểu biết của bản thân, em hãy:



1. Di sản văn hóa thế giới đầu tiên ở Việt Nam thuộc tỉnh, thành nào?
2. Kể tên các di sản văn hóa được UNESCO công nhận ở Thừa Thiên Huế.
3. Kể tên một số công trình cổ nổi tiếng ở Thừa Thiên Huế mà em biết.

2 Các công trình kiến trúc tiêu biểu thời Nguyễn ở Huế

Kiến trúc thời các vua Nguyễn, ở Thừa Thiên Huế được bắt đầu xây dựng từ năm 1802 dưới thời vua Gia Long (Nguyễn Ánh). Trong suốt 143 năm (1802 – 1945) các vị vua Nguyễn đều cho xây dựng, củng cố nền thống trị của chế độ phong kiến bằng việc phát triển xây dựng nhiều công trình thành lũy, cung điện, chùa chiền, đền miếu,...

2.1. Kiểu kiến trúc thành lũy

Đặc trưng của kinh thành thời Nguyễn đó là được xây theo phong cách Vauban¹. Những thành xây theo phong cách này có thể thấy ở Huế, Hà Nội, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Nam, Quảng Ngãi,... Kiểu thành Vauban đã tạo ra một bước ngoặt lớn trong kiến trúc quân sự Việt Nam mà kinh thành Huế là cụm công trình tiêu biểu.

Kinh thành Huế được bắt đầu xây dựng vào năm 1805 gồm ba vòng thành bao bọc lẫn nhau. Vòng ngoài xây theo kiểu kiến trúc Vauban. Trên mặt tường thành có các pháo đài. Bao quanh ba mặt phía ngoài là kênh Hộ Thành. Phía đông bắc kinh thành có một thành nhỏ là Trấn Bình đài (đồn Mang Cá). Thành có 13 cửa (10 cửa chính, 1 cửa mở qua đồn Mang Cá và 2 cửa thủy quan của sông Ngự Hà). Kinh thành tuy được xây theo kiểu Vauban nhưng vẫn có đặc điểm kiến trúc truyền thống. Nguyên tắc phong thủy phương Đông được vận dụng trong bố cục Kinh thành Huế: Kinh thành xoay về hướng đông nam. Phía trước có sông Hương (Minh Đường) làm yếu tố “tụ thủy” và núi Ngự Bình



Hình 2.2. Kinh thành Huế.

(Bình Phong) án ngự. Cồn Hến và Cồn Dã Viên lần lượt đóng vai trò là biểu tượng Tả Thanh Long và Hữu Bạch Hổ. Quá trình xây dựng kéo dài từ thời vua Gia Long (1802 – 1819) cho đến thời vua Minh Mạng (1820 – 1841) mới hoàn thành. Bên trong Kinh thành Huế có một số công trình nổi bật:

¹ Vauban là tên của một kĩ sư người Pháp (1633 – 1707). Ông được bổ nhiệm làm Thống chế và là thành viên Viện Hàn lâm Khoa học Pháp vào năm 1699 nhờ vào tài năng và trình độ của ông trong lĩnh vực kiến trúc quân sự. Dưới thời vua Louis XIV, Vauban đã đảm nhiệm hàng trăm công trình pháo đài và thành lũy nhằm bảo vệ nước Pháp. Ông là người đã tạo ra kiểu xây dựng phòng thủ quân sự mang tên “thành lũy vững chắc” (fortified city) mà ngày nay mọi người thường gọi là kiểu thành lũy phòng thủ Vauban.

Kì đài được xây dựng vào năm 1807, cao 17,4 m, bệ có ba cấp. Năm 1948, cột cờ được xây dựng lại bằng bê tông cốt thép cao 37 m.

Hoàng thành Huế có dạng hình chữ nhật với kích thước $606 \text{ m}^2 \times 622 \text{ m}^2$, tường cao 4 m. Hoàng thành có bốn cửa ra vào, có hồ Kim Thủy bao quanh. Bên trong Hoàng thành là những cung điện, cơ quan làm việc và các công trình khác dành cho vua và các cung phi, hoàng hậu, hoàng tử,...

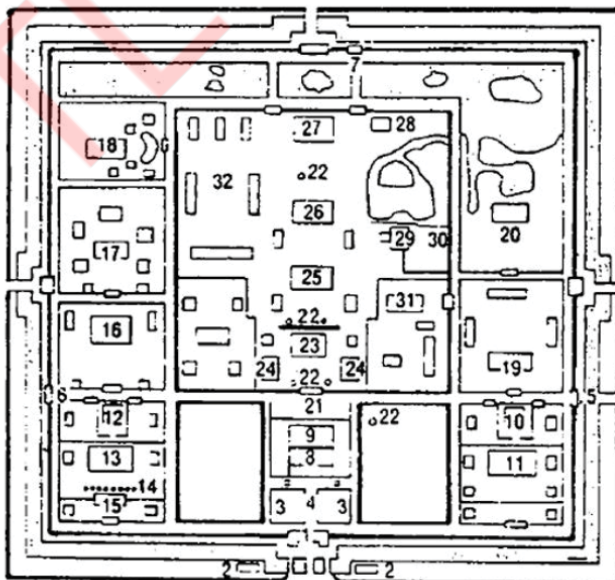
Tử Cấm Thành nằm ngay sau điện Thái Hoà là nơi dành cho vua và gia đình vua. Tử Cấm Thành được xây dựng vào năm 1804, kích thước $324 \text{ m} \times 290 \text{ m}$, cao 3,72 m, có 7 cửa.



Hình 2.3. Kì đài Huế.



Hình 2.4. Hoàng thành Huế.



Chú thích:

- | | |
|---------------------|------------------------|
| 1. Ngọ Môn | 17. Cung Diên Thọ |
| 2. Cửa vị Thần công | 18. Cung Trường Sanh |
| 3. Hồ Thái Dịch | 19. Phủ Nội Vụ |
| 4. Cầu Trung Đạo | 20. Vườn Cơ Hạ |
| 5. Cửa Hiền Nhơn | 21. Đại Cung Môn |
| 6. Cửa Chương Đức | 22. Vạc Đồng |
| 7. Cửa Hoà Bình | 23. Điện Càn Chánh |
| 8. Sân Đại Triều | 24. Tả, Hữu Vu |
| 9. Điện Thái Hoà | 25. Điện Càn Thành |
| 10. Triệu Miếu | 26. Điện Khôn Thái |
| 11. Thái Miếu | 27. Lầu Kiến Trung |
| 12. Hưng Miếu | 28. Ngự tiền Văn phòng |
| 13. Thế Miếu | 29. Thái Bình Lâu |
| 14. Cửa Đình | 30. Vườn Ngự Uyển |
| 15. Hiển Lâm Các | 31. Duyệt Thị Đường |
| 16. Điện Phục Tiên | 32. Lục Viện |

Hình 2.5. Sơ đồ Kinh thành Huế.



Kinh thành Huế hiện nay thuộc địa phận bốn phường Đông Ba, Tây Lộc, Thuận Hoà, Thuận Lộc của thành phố Huế, có ranh giới như sau: phía nam giáp đường Trần Hưng Đạo và đường Lê Duẩn; phía tây giáp đường Lê Duẩn; phía bắc giáp đường Tăng Bạt Hổ và đường Đào Duy Anh; phía đông giáp đường Phan Đăng Lưu và đường Huỳnh Thúc Kháng.



Đọc thông tin và dựa vào hiểu biết của bản thân, em hãy:

1. Cho biết kinh thành Huế được xây dựng vào thời gian nào.
2. Cho biết kinh thành Huế có bao nhiêu vòng thành. Nêu tên gọi của mỗi vòng thành.
3. Cho biết kinh thành Huế có bao nhiêu cửa thành. Hãy kể tên một số cửa thành mà em biết.

2.2. Kiến trúc Phật giáo thời Nguyễn

Huế được xem là trung tâm Phật giáo thời Nguyễn. Ở Huế, chùa chiền phát triển rất mạnh từ thời chúa Nguyễn cho đến các vua Nguyễn như chùa Thiên Mụ, Từ Đàm, Từ Hiếu, Báo Quốc,...

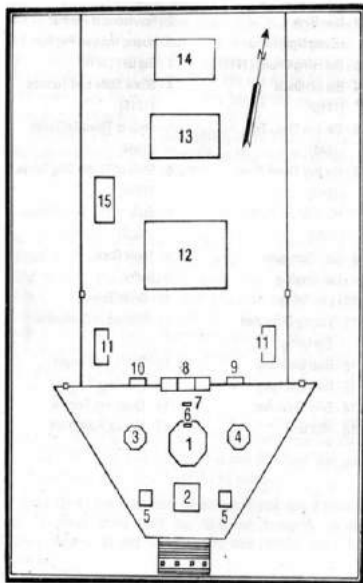
Thông thường, chùa ở Huế có đặc điểm gồm nhiều công trình nhỏ dàn trải trên một mặt bằng, theo chiều rộng mà ít chú ý đến chiều cao tạo nên cảm giác hoà nhập với thiên nhiên xung quanh. Chùa Huế có bố cục sắp xếp theo kí tự Trung Quốc như chữ Nhất (一), chữ Đinh (丁), chữ Công (工), chữ Khẩu (口). Lối vào chính của chùa là cổng tam quan nhỏ, tạo cảm giác nhẹ nhàng, thanh thoát. Các lối vào thông thường đều bắt đầu bằng một con đường nhỏ, len lỏi qua các không gian vườn, đồi thông (chùa Từ Hiếu, Thuyền Tôn,...); qua những rặng trúc (chùa Trúc Lâm, Trà Am, Hồng Ân, Kim Tiên,...); hoặc bước lên một số bậc cấp (chùa Từ Đàm, Diệu Đế, Thiền Lâm,...). Kết cấu công trình chùa thường là hệ cấu trúc Rường. Mái chùa Huế có cấu trúc nhẹ, thẳng, hơi vút lên ở đầu mái. Hệ thống cột cao và nhỏ. Chính điện thường có cấu trúc 3 - 5 gian, 2 chái. Vườn chùa trồng nhiều loại cây, cỏ, hoa, là nơi đặt tháp mộ các vị Tổ, trụ trì còn sau vườn là khu canh tác, trồng hoa màu. Tất cả tạo thành một tổng thể chùa được quy hoạch, thiết kế hài hoà.

Chùa Thiên Mụ nằm trên đồi Hà Khê, sát bên bờ tả ngạn sông Hương. Đây là một trong những ngôi chùa cổ, nổi tiếng. Chúa Nguyễn Hoàng khi vào trấn thủ ở đây đã cho xây lại chùa vào năm 1601 và có tên Thiên Mụ (mụ trời). Sau này chùa được cải tạo và mở rộng nhiều lần.

Bố cục chùa có dạng chữ Nhất theo trục thẳng, đăng đối từ trước ra sau theo hướng đông nam - tây bắc. Nhìn vào tổng thể, có thể chia chùa làm hai phần: phần ngoài từ trụ biểu đến Tam quan và phần trong gồm các điện.

¹ Rường là một cách nói ngắn gọn của rường cột. Cho nên, nhà rường chính là kiểu nhà có hệ thống cột, kèo gỗ được dựng với một quy chuẩn nhất định. Nhà rường được liên kết hoàn toàn từ hệ thống chốt và mộng gỗ. Đặc điểm này giúp việc lắp ráp hay tháo gỡ căn nhà trở nên dễ dàng hơn. Các gian trong nhà được phân định dựa theo hàng cột. Hai chái dùng để phân cách giữa các gian bằng vách ngăn.

² Chái nhà là phần mở rộng hoặc kéo dài thêm của ngôi nhà chính. Chái nhà thường thấp hơn nhà chính.



Hình 2.6. Sơ đồ chùa Thiên Mụ.

Chú thích: 1. Tháp Phước Duyên; 2. Nền Đình Hương Nguyên cũ; 3. Đại Hồng Chung; 4. Bia và rùa đá; 5. Bia thời Thiệu Trị; 6. Bia thời Thiệu Trị; 7. Bia thời Khải Định; 8. Cửa Tam Quan; 9. Lầu chuông; 10. Lầu trống; 11. Tượng Dược Xoa Đại Tướng; 12. Điện Đại Hùng; 13. Điện Địa Tạng; 14. Điện Quan Âm; 15. Nhà Tăng



Hình 2.7. Tháp Phước Duyên.



Chùa Thiên Mụ được xếp vào 20 thắng cảnh đất Thần Kinh với bài thơ Thiên Mụ chung thanh do đích thân vua Thiệu Trị sáng tác và được ghi vào bia đá dựng gần cổng chùa.



Hãy giới thiệu về một ngôi chùa ở Thừa Thiên Huế mà em biết.

2.3. Kiến trúc lăng tẩm thời Nguyễn ở Huế

Hệ thống lăng tẩm thời Nguyễn cũng là nét kiến trúc đặc trưng của kiến trúc Huế. Lăng các vua Nguyễn có đặc điểm riêng: Lăng vua Gia Long dàn trải, rộng lớn; lăng vua Minh Mạng uy nghiêm tráng lệ và đăng đối; lăng vua Tự Đức thơ mộng, duyên dáng trữ tình; lăng vua Khải Định tuy nhỏ nhưng cầu kì, tinh xảo. Nhìn chung, lăng nhà Nguyễn bao gồm những bộ phận chính sau:

- Bảo thành là nơi để mộ vua, thường hình tròn tượng trưng cho Mặt Trời.
- Hồ bán nguyệt, tượng trưng cho trăng mới, đi với Mặt Trời và bảo vệ Bảo thành.
- Một sân có bậc cấp dùng làm nơi tế lễ.
- Một ngôi điện có bài vị vua và hoàng hậu.
- Một toà nhà bia (gọi là Bi Đình) ghi lại những sự kiện chính khi vua trị vì.

- Khu nhà làm nơi nghỉ và giải trí của vua khi đến xem xây lăng.
- Khu nhà thờ tổ tiên.
- Xung quanh lăng có La thành bao bọc.



Có tất cả 7 khu lăng vua Nguyễn gồm: Lăng vua Gia Long; Lăng vua Minh Mạng; Lăng vua Thiệu Trị; Lăng vua Tự Đức; Lăng vua Kiến Phúc; Lăng vua Đồng Khánh; Lăng vua Khải Định.

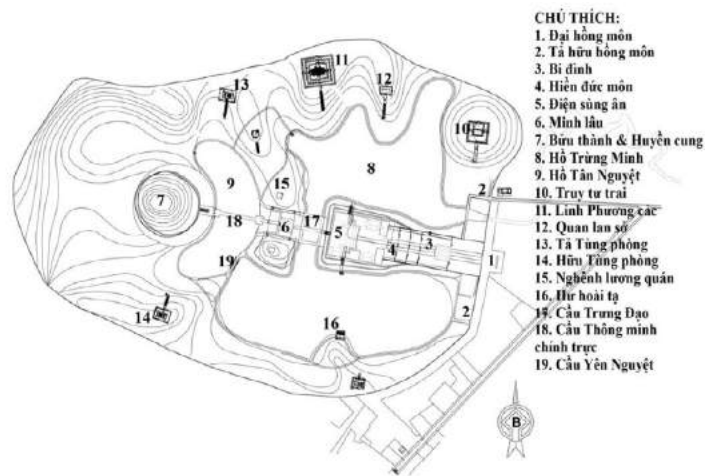
Các lăng tẩm ở Huế có sự tiếp cận đến sông Hương, phía tây nam kinh thành. Trong số các lăng tẩm ở Huế, những lăng có giá trị về quy hoạch kiến trúc, nghệ thuật có thể kể đến như sau:

Lăng vua Minh Mạng còn gọi là Hiếu lăng nằm trên núi Cẩm Khê, xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà. Lăng ở gần ngã ba Bằng Lăng, ở đó có hai dòng Hữu Trạch và Tả Trạch hội lưu hợp thành sông Hương, cách thành phố Huế 12 km.

Lăng vua Minh Mạng là một tổng thể kiến trúc quy mô gồm khoảng 40 công trình lớn nhỏ. Một vòng La thành bằng gạch, chu vi 1 732 m có hình dạng uốn lượn mềm mại, bao bọc các công trình trong lăng. Tất cả các tiểu công trình trong lăng xếp đặt một cách chặt chẽ, nghiêm ngặt có tính đối xứng. Mặc dù vậy, các không gian cây xanh xen lẫn với các công trình vẫn tạo nên nét hoà quyện vào khung cảnh xây dựng.



Hình 2.8. Sơ đồ bố trí các điểm di tích ở Huế.



- CHÚ THÍCH:
1. Đại hồng môn
 2. Tả hữu hồng môn
 3. Bi đình
 4. Hiên đức môn
 5. Điện súng án
 6. Minh lâu
 7. Bửu thành & Huyền cung
 8. Hồ Trưng Minh
 9. Hồ Tân Nguyệt
 10. Truy tư trai
 11. Linh Phương các
 12. Quan lan sở
 13. Tả Tụng phòng
 14. Hữu Tụng phòng
 15. Nghênh lương quán
 16. Đền hoàng tỳ
 17. Cầu Trưng Đạo
 18. Cầu Thông minh chính trực
 19. Cầu Yên Nguyệt

Hình 2.9. Sơ đồ lăng Minh Mạng.



Hình 2.10. Minh lâu – Hiếu lăng.

Lăng vua Tự Đức (còn gọi là Khiêm Lăng) tọa lạc trong một thung lũng hẹp thuộc làng Dương Thượng, Cư Chánh (nay là thôn Thượng Ba, xã Thuỷ Xuân, thành phố Huế). Lăng vua Tự Đức gồm có hai phần: lăng mộ và tấm điện bố trí trên hai trục song song với nhau.

Tổng thể của lăng có gần 50 công trình lớn nhỏ xen lẫn với nhiều không gian cỏ cây hoa lá và không được bố trí theo nguyên tắc đối xứng như các Lăng khác. Phía bên phải là hồ Lưu Khiêm khởi nguồn từ con suối nhỏ có hình dáng mềm mại, uyển chuyển. Lăng vua Tự Đức được mệnh danh là một trong những tác phẩm kiến trúc hoàn mỹ cả về nghệ thuật lẫn khung cảnh thiên nhiên với kiểu kiến trúc tinh tế được bao bọc bởi không gian thiên nhiên.



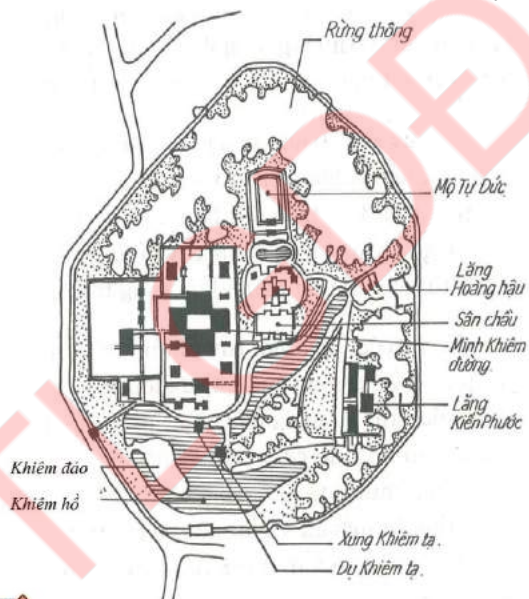
50 công trình trong lăng vua Tự Đức ở cả hai khu vực tấm điện và lăng mộ đều có chữ Khiêm, như: Cửa Vụ Khiêm, Khiêm Cung Môn, Chí Khiêm Đường, hồ Lưu Khiêm, Xung Khiêm Tạ, điện Hòa Khiêm,...



Em đã tham quan lăng nào ở Thừa Thiên Huế? Em ấn tượng với kiến trúc của lăng nào nhất? Tại sao?



Hình 2.11. Lăng vua Tự Đức.



Hình 2.12. Sơ đồ lăng vua Tự Đức.



1. Vẽ sơ đồ cấu trúc chùa Thiên Mụ. Kể tên và minh họa bằng hình ảnh các công trình có trong khuôn viên của chùa.
2. Bằng cảm nhận và trải nghiệm cá nhân, hãy so sánh kiến trúc của lăng vua Minh Mạng và lăng vua Tự Đức.
3. Qua các nguồn tài liệu thu thập được, em hãy xây dựng một sản phẩm (video clip, bài thuyết trình, poster,...) để giới thiệu một lăng vua ở Huế, theo thứ tự sau: bản đồ vị trí lăng, mặt bằng tổng thể lăng, các ảnh minh họa các công trình trong lăng.
4. Trình bày một số biện pháp giữ gìn, bảo tồn và phát huy di sản Quần thể Di tích Cố đô Huế.

Bài 3

NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC THỜI NGUYỄN Ở HUẾ



Điêu khắc là một trong những loại hình nghệ thuật có lịch sử hình thành lâu đời. Nhiều công trình điêu khắc trên thế giới vẫn được lưu giữ dù cách đây hàng nghìn năm. Nghệ thuật điêu khắc được biểu hiện dưới hai dạng là tượng tròn và phù điêu. Những chất liệu chính trong điêu khắc bao gồm: đá, gỗ, đồng, vôi vữa. Bên cạnh đó sự phát triển của các loại chất liệu, kĩ thuật, công nghệ mới đã dẫn đến sự hình thành của các chất liệu mới như composite, thạch cao, xi măng, tổng hợp,...



Hình 3.1. Tượng nghệ ở lăng vua Minh Mạng (thể loại tượng tròn).

1 Khái quát về nghệ thuật điêu khắc thời Nguyễn

Là triều đại cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam, thời Nguyễn đã để lại nhiều công trình nghệ thuật có giá trị cao trong đó có loại hình nghệ thuật điêu khắc.

Điêu khắc là một hình thức thực hiện tác phẩm bằng cách thêm khối hoặc bớt khối, hay nói cách khác người nghệ nhân có thể đục bỏ các phần thừa hoặc bù thêm các khối nhằm tạo ra một đối tượng trong không gian. Tùy vào từng đặc tính chất liệu khác nhau, đối tượng khác nhau thì cũng sẽ có các kĩ thuật phù hợp.

Điêu khắc thời Nguyễn xuất hiện nhiều ở các công trình kiến trúc lăng tẩm và thường được bố trí theo cặp và đối xứng nhau. Hệ thống điêu khắc thời Nguyễn khá đa dạng, bao gồm tượng tròn và những mảng phù điêu trang trí. Các công trình điêu khắc phát triển mạnh thời các



Hình 3.2. Trang trí bằng chất liệu đá (thể loại phù điêu) trên cổng lăng Hiếu Đông (Tả Thiên Nhân Hoàng hậu Hồ Thị Hoa, mẹ của vua Thiệu Trị).

vua Nguyễn do thời kì này đã có nhiều sự ổn định về kinh tế và xã hội. Các công trình điêu khắc tiêu biểu còn lại hiện nay tại Thừa Thiên Huế là hệ thống các tượng châu được đặt tại lăng tẩm của các vua, một số tượng các con vật linh tại các công trình quan trọng như Đại Nội hoặc một số công trình tín ngưỡng. Đó là hệ thống tượng người và tượng vật như: voi, ngựa, nghê ở các công trình: lăng vua Gia Long, vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị, vua Tự Đức, vua Đồng Khánh, Bảo tàng cổ vật Cung đình Huế, cửa Quảng Đức (Đại nội),... Bên cạnh đó, hệ thống trang trí phù điêu với chủ đề về các con vật linh, bát bửu, cỏ cây, hoa lá cũng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hoàn thiện các giá trị thẩm mĩ trong hệ thống trang trí thời Nguyễn.



Nghệ thuật điêu khắc thời Nguyễn được tạo tác bởi các nghệ nhân có tay nghề cao, được triều đình tuyển dụng từ các làng nghề trong cả nước. Chất liệu trong điêu khắc thời Nguyễn khá phong phú và đa dạng, đặc biệt là đối với phù điêu. Đa phần tượng tròn tại các lăng đều làm bằng chất liệu đá, ngoài ra còn có một số chất liệu khác như vôi vữa, tổng hợp.

2 Các loại hình của nghệ thuật điêu khắc thời Nguyễn

2.1. Tượng tròn

Tượng tròn là một loại hình của nghệ thuật điêu khắc tồn tại độc lập trong một khoảng không gian ba chiều, có sự tiếp cận đa hướng, người xem có thể tiếp cận theo nhiều góc độ khác nhau. Một số các tượng tròn tiêu biểu thời Nguyễn như: tượng quan văn võ, tượng lính, tượng ngựa, tượng voi tại các công trình lăng tẩm, Đại Nội.



Hình 3.3. Tượng ngựa bằng chất liệu đá tại lăng vua Minh Mạng.



Hình 3.4. Hệ thống tượng châu tại lăng vua Khải Định.

2.2. Phù điêu

Là hình thức tạo khối lõm hoặc lồi trên các bề mặt công trình (thường gọi là khối âm và khối dương). Các mảng chạm khắc hoa văn ở phù điêu được làm nổi lên hoặc khắc chìm xuống chiếm lĩnh không gian nhất định, tạo thành các mảng khối. Đây là hai yếu tố quan trọng đối với nghệ thuật điêu khắc, bởi đa phần các tác phẩm điêu khắc là màu tự thân (màu thực tế của chất liệu). Các mảng phù điêu trang trí xuất hiện mật độ khá dày đặc ở các công trình kiến trúc lăng tẩm thời Nguyễn.



Hình 3.5. Phù điêu về đề tài chim phụng tại lăng Tiên Cung (Vạn Vạn) được làm bằng chất liệu đá.



Hình 3.6. Phù điêu về đề tài bát bửu bằng gỗ tại lăng vua Thiệu Trị.



Em hãy kể tên một số công trình thời Nguyễn tại Thừa Thiên Huế có các công trình điêu khắc.

3

Các chất liệu và chủ đề trong nghệ thuật điêu khắc thời Nguyễn

3.1. Chất liệu

Chất liệu trong nghệ thuật điêu khắc thời Nguyễn khá đa dạng, bao gồm các chất liệu như: đá, vôi vữa, đồng, gỗ, đất nung,... Bên cạnh đó, chất liệu khảm sành sứ cũng là một trong những nét đặc sắc trong nghệ thuật trang trí của Huế, đây là chất liệu phủ bề mặt của các mảng phù điêu trên các kiến trúc thời Nguyễn.

3.2. Chủ đề

Chủ đề trong nghệ thuật điêu khắc thời Nguyễn tập trung vào các nhóm chính như: chủ đề về con người (tượng vua, quan văn, quan võ, lính túc vệ); chủ đề về thực vật (hoa, lá, quả); chủ đề về động vật (các con vật linh và các con vật mang ý niệm, các con vật trong dân gian).



Đọc thông tin, em hãy cho biết một số chủ đề và chất liệu chính trong nghệ thuật điêu khắc thời Nguyễn tại Huế.



Hình 3.7. Hình ảnh quả na ở mảng trang trí phù điêu thời Nguyễn.



1. Em hãy giới thiệu về một tác phẩm điêu khắc thời Nguyễn mà em yêu thích nhất.
2. Đặc điểm nào em thích nhất ở nghệ thuật điêu khắc thời Nguyễn? Vì sao?
3. Em đã làm gì để góp phần giữ gìn các giá trị văn hoá nghệ thuật thời Nguyễn?

CHỦ ĐỀ

THIÊN NHIÊN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm cơ bản về tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và mối quan hệ giữa các yếu tố của tự nhiên Thừa Thiên Huế.
- Biết được những thuận lợi, khó khăn về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất của tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Xác định được một số đối tượng của tự nhiên trên bản đồ.
- Liên hệ được thực tế nơi em sống.



Bài 1

ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN



Thừa Thiên Huế là địa phương nổi tiếng với nhiều di tích lịch sử, văn hoá. Ngoài ra, còn được biết đến bởi sự đa dạng, phong phú của địa hình và khoáng sản. Vậy địa hình và khoáng sản của Thừa Thiên Huế có đặc điểm gì, ảnh hưởng như thế nào đến đời sống và sản xuất?

1 Địa hình

Địa hình tỉnh Thừa Thiên Huế khá đa dạng và phức tạp, bao gồm: vùng núi (núi trung bình, núi thấp); vùng đồi (đồi thấp, đồi cao); vùng đồng bằng và đầm phá ven biển. Địa hình thấp dần từ tây sang đông. Hướng địa hình phổ biến là tây bắc – đông nam.

1.1. Vùng núi

Vùng núi nằm ở phía tây và phía nam của Thừa Thiên Huế, gồm núi trung bình và núi thấp. Trong đó, núi thấp chiếm ưu thế.

Khu vực núi trung bình phân bố chủ yếu ở phía tây (nằm sát biên giới Việt – Lào), có hướng tây bắc – đông nam, độ cao của các núi phổ biến trên 900 m, nhiều vùng núi trên 1 000 m.

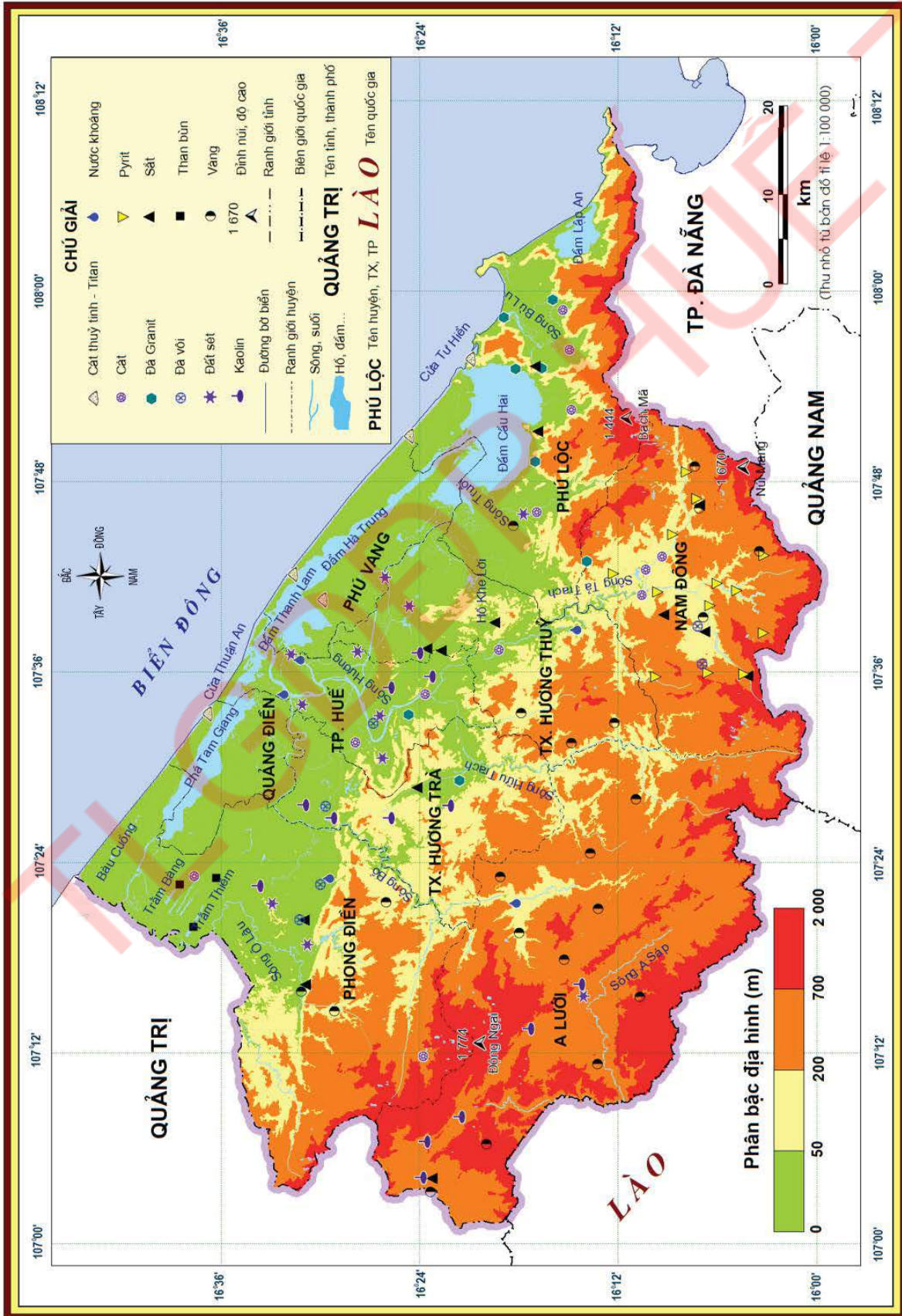
Khu vực núi thấp có độ cao từ 200 m đến dưới 700 m.



Dãy núi Bạch Mã được xem là ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng. dãy núi này nằm trong Vườn quốc gia Bạch Mã. Núi Bạch Mã cách thành phố Huế khoảng 60 km về phía nam. Ở độ cao 1 444 m, vùng núi có khí hậu ôn đới như ở Sa Pa, Tam Đảo, Đà Lạt,... Đây còn là nơi quy tụ nhiều loại động vật và thực vật quý hiếm ở miền nhiệt đới. Nơi đây có đèo Hải Vân nổi tiếng, được mệnh danh là “đệ nhất hùng quan”.



Hình 1.1. Một góc núi Bạch Mã – đèo Hải Vân.



Hình 1.2. Bản đồ độ cao địa hình và khoáng sản tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.2. Vùng đồi

Vùng đồi của Thừa Thiên Huế nằm ở dải chuyển tiếp giữa khu vực núi thấp và đồng bằng duyên hải hoặc phân bố dọc các thung lũng sông suối. Vùng đồi phân thành hai kiểu: đồi cao (chiếm ưu thế, độ cao từ 100 đến dưới 200 m), đồi thấp (phân bố chủ yếu ở phía tây thành phố Huế, cao khoảng 50 – 100 m).

1.3. Vùng đồng bằng

Địa hình đồng bằng ven biển phân bố ở địa bàn huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà, huyện Phú Vang, huyện Phú Lộc. Địa hình tương đối bằng phẳng, có độ cao tuyệt đối từ 15 – 10 m trở xuống, trải dài theo hướng hướng tây bắc – đông nam, hẹp ngang – trung bình khoảng 14 – 16 km. Bề mặt của đồng bằng ở một số nơi xuất hiện những trảng cát nội đồng, đầm phá và các bàu, tràm.

Đầm phá là nét đặc trưng của dải ven biển Thừa Thiên Huế, gồm hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai và đầm biệt lập An Cư (Lập An).

Nằm giữa đồng bằng duyên hải hoặc đầm phá và biển là dãy cồn đụn cát, dài khoảng 100 km, chạy song song với đường bờ biển, có độ cao từ 2 – 35 m, từ xã Điền Hương (huyện Phong Điền) đến chân đèo Hải Vân (huyện Phú Lộc)¹.



Dựa vào hình 1.2 và tư liệu trong bài, em hãy:

1. Xác định các khu vực địa hình của tỉnh Thừa Thiên Huế và trình bày đặc điểm cơ bản của mỗi khu vực đó.
2. Xác định các đỉnh núi cao trên 1 000 m.

2 Khoáng sản

Nguồn khoáng sản của Thừa Thiên Huế không giàu, các mỏ và điểm quặng có trữ lượng không lớn, phân bố đều khắp, các loại khoáng sản có nguồn gốc ngoại sinh chiếm ưu thế.

Một số loại khoáng sản chính gồm: than bùn, cát thủy tinh – titan, sắt, vàng, đá vôi, đất sét, đá xây dựng (cát, đá granit), nước khoáng, kaolin, pyrit,...

¹ Nguồn: Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2005), *Du địa chí tỉnh Thừa Thiên Huế (phần Tự nhiên)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, trang 65.



Nước khoáng nóng Thanh Tân

Nguồn nước khoáng Thanh Tân nằm ở xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, cách thành phố Huế khoảng 20 km về phía tây bắc. Nước khoáng Thanh Tân thuộc loại nước khoáng silic, rất nóng (nhiệt độ cao nhất tới 69 °C). Nguồn nước khoáng ở đây đã được khai thác đóng chai dùng cho giải khát với nhiều nhãn hiệu. Khu suối khoáng nóng Thanh Tân đã được xây dựng khang trang nhằm phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng và phục hồi sức khỏe.



Hình 1.3. Khu suối khoáng nóng Thanh Tân.



Dựa vào hình 1.2 và tư liệu trong bài, em hãy tạo và hoàn thành theo mẫu ở bảng 1 sau:

Bảng 1. Một số loại khoáng sản ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

STT	Tên đơn vị hành chính	Loại khoáng sản
1	Huyện A Lưới	?
2	Huyện Nam Đông	?
3	Huyện Phong Điền	?
4	Huyện Phú Lộc	?
5	Huyện Phú Vang	?
6	Huyện Quảng Điền	?
7	Thành phố Huế	?
8	Thị xã Hương Thủy	?
9	Thị xã Hương Trà	?



1. Địa hình có ảnh hưởng như thế nào đến sự phân bố dân cư và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Suu tầm hình ảnh về các dạng địa hình của tỉnh Thừa Thiên Huế.
3. Tìm hiểu về công dụng, trữ lượng, phân bố của một loại khoáng sản của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bài 2

KHÍ HẬU VÀ THUỶ VĂN



*“Núi Ngự Bình trước tròn, sau méo,
Sông An Cựu nắng đục, mưa trong.”*

Câu ca trên thể hiện mối quan hệ giữa khí hậu và thủy văn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Vậy khí hậu và thủy văn của Thừa Thiên Huế có đặc điểm gì và ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất và sinh hoạt?



Hình 2.1. Một đoạn sông An Cựu, thành phố Huế.

1 Khí hậu

Do ảnh hưởng của vị trí địa lí và địa hình, khí hậu ở Thừa Thiên Huế mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và có sự chuyển tiếp giữa khí hậu miền Bắc và khí hậu miền Nam.

Thừa Thiên Huế có chế độ bức xạ dồi dào. Tổng lượng bức xạ thực tế đạt từ 124 - 126 kcal/cm²/năm. Số giờ nắng nhiều, trung bình dao động từ 1 700 - 2 000 giờ/năm. Nhiệt độ trung bình năm cao, khoảng 24 - 25 °C, có sự phân hoá theo không gian và theo thời gian.

Bảng 2.1. Nhiệt độ, lượng mưa trung bình tháng tại một số trạm khí tượng của tỉnh Thừa Thiên Huế¹.

Tháng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	Huế	20,0	21,0	23,1	26,1	28,2	29,3	29,4	28,9	27,1	25,1	23,1	20,7
	Nam Đông	19,8	21,0	23,3	26,2	27,3	27,8	27,7	27,4	26,1	24,2	22,0	19,9
	A Lưới	17,2	18,5	20,5	22,8	24,1	25,0	24,8	24,6	23,0	21,3	19,3	17,2
Lượng mưa (mm)	Huế	114	56	38	56	112	190	73	124	375	754	665	321
	Nam Đông	100	55	47	101	212	242	171	204	422	1 041	760	291
	A Lưới	67	44	63	159	233	207	265	191	414	935	743	290

¹ Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế (2004), *Đặc điểm khí hậu - thủy văn tỉnh Thừa Thiên Huế*, trang 31, 38.

Thừa Thiên Huế là một trong các tỉnh có lượng mưa nhiều nhất cả nước. Tổng lượng mưa trung bình năm 2 600 mm, có nơi trên 4 000 mm như ở: Bạch Mã và Thừa Lưu (huyện Phú Lộc). Lượng mưa có xu hướng tăng dần từ đông sang tây và từ bắc vào nam.

Lãnh thổ Thừa Thiên Huế không có sự khác biệt lớn giữa mùa mưa và mùa khô, mà chỉ có mùa mưa và mùa ít mưa. Lượng mưa trong mùa mưa chiếm tới 75 % lượng nước cả năm. Độ dài từng mùa có sự khác nhau giữa vùng đồng bằng và vùng đồi, núi.

- Vùng đồng bằng: Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12, mùa ít mưa từ tháng 1 đến tháng 8.

- Vùng đồi núi: Mùa mưa từ tháng 5 hoặc tháng 6 đến tháng 12, mùa ít mưa từ tháng 1 đến tháng 4 hoặc tháng 5.

Mùa mưa chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc làm cho nhiệt độ giảm, kèm mưa bão và lũ lụt. Cường độ mưa lớn và mưa tập trung nên thường xảy ra lũ quét, sạt lở ở vùng núi và ngập lụt ở đồng bằng. Mùa ít mưa có sự xuất hiện của gió Tây Nam khô nóng (gió Lào) làm cho mức nhiệt tăng, độ ẩm giảm thấp, thời tiết nóng nực, hanh khô và dễ xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn.



Hình 2.2. Hiện tượng sạt lở đất ở vùng núi huyện Phong Điền.

Dựa vào bảng 2.1, hình 2.2 và tư liệu trong bài, em hãy:



1. Nêu các đặc điểm cơ bản của khí hậu tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Cho biết đặc điểm đó ảnh hưởng như thế nào đến đời sống và sản xuất của người dân trong tỉnh.

Một số hiện tượng thời tiết đặc biệt ở Thừa Thiên Huế

- Bão: Bão thường xuất hiện nhiều từ tháng 8 đến tháng 10. Mùa bão kéo dài từ tháng 5 đến tháng 12. Bão thường gây gió mạnh, mưa lớn, nước dâng, lũ lụt.
- Gió Tây Nam khô nóng: Gió này bắt đầu xuất hiện vào cuối tháng 2, kết thúc vào đầu tháng 9 ở đồng bằng duyên hải, vùng đồi. Số ngày có gió Tây Nam khô nóng trung bình hàng năm trên đồng bằng là 35 ngày, có nơi 55 ngày (huyện Nam Đông).
- Gió mùa Đông Bắc: Trung bình hàng năm ở Thừa Thiên Huế có 15 – 20 đợt gió mùa Đông Bắc. Những đợt mạnh, nhiệt độ ở vùng núi giảm xuống 10 °C, gây rét đậm, rét hại. Vào thời kì chuyển tiếp từ mùa hạ sang mùa đông, gió mùa Đông Bắc kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới gây ra mưa lớn.
- Đông: Ở Thừa Thiên Huế có khá nhiều đông, trung bình có 96 – 144 ngày đông/năm. Đông thường xuất hiện khi không khí lạnh tràn về, hay khi dải hội tụ nhiệt đới ảnh hưởng hoặc gió mùa Tây Nam khô nóng từ phía tây thổi sang. Trong cơn đông có thể kèm theo gió mạnh, mưa rào và đôi khi là mưa đá.



Hình 2.3. Sau cơn bão số 05 (bão Noul) năm 2020 ở thành phố Huế.



2 Thủy văn

Đặc điểm sông ngòi ở tỉnh Thừa Thiên Huế chịu tác động mạnh của địa hình và khí hậu, với các đặc điểm cơ bản sau:

- Mạng lưới sông phân bố khá đồng đều. Mật độ sông ngòi khá dày, trung bình khoảng 0,3 – 1,0 km/km², có nơi tới 1,5 – 2,5 km/km².

- Hướng chảy chung của các sông là tây nam – đông bắc. Các sông đều ngắn và dốc, diện tích lưu vực nhỏ (từ 200 km² đến 2 830 km²), cửa sông hẹp. Hầu hết các sông đều đổ vào đầm phá trước khi chảy ra biển thông qua hai cửa biển là Thuận An và Tư Hiền. Riêng sông A Sáp chảy về hướng tây sang nước CHDCND Lào.

- Chế độ nước sông phụ thuộc vào chế độ mưa và lưu lượng nước có sự chênh lệch lớn theo mùa. Mùa lũ trên sông trùng với mùa mưa, mùa cạn trùng với mùa ít mưa.

Bảng 2.2. Một số sông/ hệ thống sông chính ở Thừa Thiên Huế¹.

Tên sông/ Hệ thống sông	Chiều dài (km)	Diện tích lưu vực (km ²)
Sông Ô Lâu	66	900
Hệ thống sông Hương	104	2 830
Sông Nong	20	99
Sông Truồi	24	149
Sông Cầu Hai	10	29
Sông Bù Lu	17	118

Lưu vực sông Hương có dạng nan quạt, gồm ba nhánh chính là Tả Trạch, Hữu Trạch và sông Bồ. Do thượng lưu ngắn, dốc nên vào mùa mưa thường gây ngập lụt nghiêm trọng ở hạ lưu. Vào mùa cạn, mặn xâm nhập sâu vào đất liền, gây ảnh hưởng xấu đến sinh hoạt và sản xuất trong vùng.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, còn có hệ thống hồ (tự nhiên, nhân tạo) và các bãi, tràm rất phong phú, phân bố ở nhiều nơi, phục vụ cho hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân.

Đối với Thừa Thiên Huế, hệ đầm phá có vai trò quan trọng, gồm hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai và đầm An Cựu. Trong đó, hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai (do phá Tam Giang, đầm Thủy Tú và đầm Cầu Hai hợp thành) có diện tích lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

¹ Nguồn: Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2005), *Du địa chí tỉnh Thừa Thiên Huế (phần Tự nhiên)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, trang 114 – 118.

Sông Hương

Hệ thống sông Hương có ba nhánh sông chính đó là: sông Bồ, sông Hữu Trạch và sông Tả Trạch. Các nhánh sông chính này đều bắt nguồn từ khu vực núi trung bình thuộc các huyện A Lưới, Nam Đông. Sông Hữu Trạch và sông Tả Trạch sau khi vượt qua nhiều ngọn thác hùng vĩ thì hợp dòng ở ngã ba Tuần và trở thành sông Hương thơ mộng. Từ đây, sông Hương chảy qua thành phố Huế, sau đó hội lưu với sông Bồ tại ngã ba Sinh trước khi đổ ra phá Tam Giang và chảy ra biển theo hai cửa Thuận An và Tư Hiền¹.



Hình 2.5. Đoạn hai phụ lưu Tả Trạch, Hữu Trạch hợp thành Sông Hương.



Hình 2.6. Một đoạn sông Hương – cầu Trường Tiền.

Dựa vào tư liệu trong bài, bảng 2.2 và các hình 2.4, 2.5, 2.6, em hãy:



1. Trình bày đặc điểm của mạng lưới sông ngòi ở tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Xác định một số sông chính; hồ; bãi, tràm và các đầm phá.



1. Dựa vào bảng 2.1, trình bày khác biệt về nhiệt độ trung bình năm, tổng lượng mưa năm giữa vùng đồng bằng và vùng núi của tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Dựa vào bảng 2.2, em hãy nhận xét về chiều dài và diện tích lưu vực của một số sông/ hệ thống sông ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Sông ngòi có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống và sản xuất của tỉnh Thừa Thiên Huế?
3. sưu tầm tranh ảnh và chia sẻ với bạn học về các sông; bãi, tràm; đầm phá của tỉnh Thừa Thiên Huế.

¹ Nguồn: Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2005), *Du địa chí tỉnh Thừa Thiên Huế (phần Tự nhiên)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, trang 115 – 116.

Bài 3

ĐẤT VÀ SINH VẬT



Đất và sinh vật của tỉnh Thừa Thiên Huế rất đa dạng và phong phú. Điều này được tạo nên từ đặc điểm riêng của các yếu tố tự nhiên. Vậy các yếu tố đó có vai trò như thế nào và đất, sinh vật của tỉnh Thừa Thiên Huế có những đặc điểm gì?

1 Đất

Do tác động tổng hợp của các yếu tố địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật,... cộng với thời gian dài nên đất ở tỉnh Thừa Thiên Huế có sự đa dạng. Theo nguồn gốc phát sinh, ở đây có 10 nhóm đất. Đất có sự phân hoá đa dạng theo chiều bắc - nam, đông - tây và đai cao. Quá trình phong hoá nhiệt đới là quá trình chủ đạo, nhóm đất đỏ vàng chiếm diện tích lớn. Vào mùa mưa, đất thường bị xói mòn, rửa trôi, nhất là ở vùng đồi, núi có lớp phủ thực vật thưa thớt. Hệ thống sông ngòi khá dày đặc, đổ vào phá Tam Giang - Cầu Hai trước khi chảy ra biển, nên đã bồi tụ nhiều cho vùng ven đầm phá, nhưng phần lớn sông ngòi đều có lưu vực nhỏ, vận tốc dòng chảy lớn vì thế sản phẩm bồi tụ thường thô, giàu silic ôxít và nghèo dinh dưỡng. Xói mòn rửa trôi còn kéo nhiều nguyên tố dinh dưỡng ra biển làm cho đất chua và nghèo.

Ở mỗi khu vực địa hình, việc khai thác, sử dụng tài nguyên đất cho phát triển nông nghiệp, phi nông nghiệp là khác nhau. Tuy nhiên, các hoạt động sản xuất đều cần phải gắn liền với mục đích bảo vệ, tăng cường độ phì cho đất và sử dụng hợp lí tài nguyên đất theo hướng lâu bền.



Hình 3.1. Đất đỏ vàng trồng cao su ở Nam Đông.



Hình 3.2. Đất phù sa bồi tụ trồng ngô ở cồn Hến.



Thủy Biều – Vùng đất trái thanh trà xứ Huế

Thanh trà Huế là một loại bưởi mang hương vị đặc trưng không giống bất cứ nơi nào. Bưởi thanh trà có dáng nhỏ hơn các loại bưởi khác, thon giống quả lê và có hương vị đặc trưng rất riêng. Một trái thanh trà Huế chỉ nặng từ 0,7 – 1,0 kg, có vỏ màu vàng nắng, cùi rất thơm và tép bưởi có màu vàng trong. Hiện nay, ở tỉnh Thừa Thiên Huế cũng có nhiều vùng trồng thanh trà nhưng không đâu cho quả ngon như ở Thủy Biều. Bởi là vùng đất nằm ở lưu vực sông Hương, địa hình tương đối bằng phẳng, Thủy Biều như một bán đảo nhỏ được bồi đắp phù sa từ lâu đời nên rất thích hợp cho giống thanh trà và mang lại hương vị thơm ngon không nơi nào có thể đem lại. Vườn cây đặc sản thanh trà với diện tích lớn và ngon nhất tỉnh đại diện cho Thừa Thiên Huế đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp nhãn hiệu “Thanh trà Huế”.



Hình 3.4. Vườn thanh trà ở Thủy Biều, thành phố Huế.



Dựa vào thông tin trong bài và các hình từ 3.1 đến 3.4, em hãy trình bày đặc điểm cơ bản của đất ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

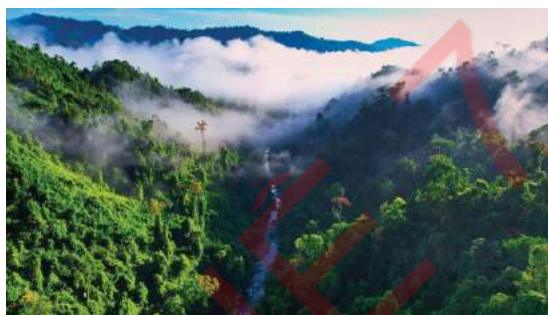
2 Sinh vật

Do nằm ở phía nam của vùng Bắc Trung Bộ, nơi có dãy núi Bạch Mã án ngữ, Thừa Thiên Huế trở thành vùng giao thoa của các phức hệ thực, động vật phương Bắc và phương Nam. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nền nhiệt ẩm cao là điều kiện thuận lợi để sinh vật sinh trưởng và phát triển. Đồng thời, sự phân hoá khí hậu theo đai cao, sự đa dạng về thổ nhưỡng đã làm thực, động vật thêm phong phú. Hệ thống sông ngòi khá chằng chịt với hệ đầm phá rộng lớn là điều kiện phát triển hệ thực, động vật nước lợ và nước ngọt.

2.1. Thực vật

Thực vật ở Thừa Thiên Huế thuộc khu hệ thực vật nhiệt đới, có sự đa dạng về thành phần, chủng loại và đa dạng về hệ sinh thái: vùng núi; vùng đồi; đồng bằng duyên hải; gò, đụn cát, đầm phá, biển ven bờ. Trong đó, thảm thực vật rừng chiếm diện tích rộng lớn nhất. Năm 2020, độ che phủ rừng của Thừa Thiên Huế đạt tỉ lệ gần 57,4 %. Rừng tự nhiên tập trung phần lớn ở vùng đồi núi phía tây của tỉnh. Bên cạnh thảm thực vật nguyên sinh, dưới tác động của con người, nhiều kiểu thảm thú sinh và các quần xã cây trồng đã được hình thành.

Hiện nay, Thừa Thiên Huế có 43 loài thực vật quý hiếm cần được bảo vệ. Ngoài ra, còn có các loại cây ăn quả của địa phương cần được bảo tồn và phát triển như: thanh trà, quýt Hương Cần, dâu Truồi, mía Thanh Diệu,...



Hình 3.5. Rừng ở xã A Roàng, huyện A Luoi.

Cây xanh đô thị ở thành phố Huế

Thành phố Huế hiện có khoảng 65 000 cây xanh đô thị, trong đó trên đường phố có đến 38 000 cây với khoảng 60 chủng loại. Thành phố Huế là đô thị có mật độ cây xanh cao nhất cả nước, đạt 12,9 m²/người, chưa kể cây xanh trong vườn nhà dân, đất vườn ươm, cây trong công sở, cây xanh trong hệ thống di tích, rừng cảnh quan. Tháng 6-2016, Huế là thành phố đầu tiên của Việt Nam được Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên (WWF) vinh danh là “Thành phố xanh quốc gia”.



Hình 3.6. Huế – Thành phố xanh quốc gia.



Dựa vào thông tin trong bài và các hình 3.5, 3.6, em hãy trình bày đặc điểm thực vật tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2. Động vật

Động vật ở Thừa Thiên Huế khá phong phú, có giá trị kinh tế cao và phân bố ở hai khu hệ sinh thái động vật điển hình là Vườn quốc gia Bạch Mã và hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai. Đặc biệt, có nhiều loài đặc hữu quý hiếm như: Trĩ, Sao la, Gà lôi lam mào trắng, Voọc vá chân nâu (Voọc ngũ sắc), Mang lớn,... Ngoài ra, đã phát hiện có 23 loài san hô và 70 loài cá ở các dải san hô ngầm dọc theo vùng thềm biển phía bắc đèo Hải Vân và xung quanh đảo Sơn Chà.¹

Bảng 3. Số loài động vật ở tỉnh Thừa Thiên Huế².

Lớp	Côn trùng	Cá	Thú	Chim	Bò sát	Ếch nhái	Tổng cộng
Số loài	1 045	278	176	362	78	38	1 977

¹ Nguồn: ADB (1999), Draft coastal and marine protected areas plan, Hanoi: Asian Development Bank.

² Nguồn: Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2005), *Dự địa chí tỉnh Thừa Thiên Huế (phần Tự nhiên)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, trang 230.



Dựa vào thông tin trong bài và bảng 3, em hãy trình bày đặc điểm động vật của tỉnh Thừa Thiên Huế.



Vườn quốc gia Bạch Mã

Vườn quốc gia Bạch Mã đã được Chính phủ phê duyệt thành lập vào năm 1991. Hiện nay, vườn có diện tích gần 37,5 nghìn ha, nằm trên địa bàn ranh giới hành chính của tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Nam. Phía bắc và đông bắc của vườn có đầm Cầu Hai, đầm An Cư; phía nam, tây nam nối dài với đoạn cuối của dãy Trường Sơn Bắc với độ cao khoảng 1 000 – 1 300 m (núi Mang cao tới 1 702 m). Vườn quốc gia Bạch Mã là một khu rừng nguyên sinh rộng lớn, với 1 728 loài thuộc 54 bộ, 266 họ.



1. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm đất của tỉnh Thừa Thiên Huế
2. Hãy nêu các nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm tài nguyên rừng ở tỉnh Thừa Thiên Huế.
3. Sưu tầm hình ảnh, tài liệu và chia sẻ với bạn học về hành động bảo vệ tài nguyên sinh vật ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

CHỦ ĐỀ

CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI THỪA THIÊN HUẾ

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Hiểu được vai trò cơ bản của an sinh xã hội.
- Nêu được những chính sách an sinh xã hội của Thừa Thiên Huế.
- Tích cực ủng hộ và tham gia các chính sách an sinh xã hội ở địa phương.



Bảo đảm an sinh xã hội là một trong những vấn đề trọng tâm của chiến lược phát triển đất nước. Thừa Thiên Huế đã và đang tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hiệu quả công tác an sinh xã hội, đảm bảo cho đời sống của người dân ngày càng phát triển về mọi mặt.
Em hãy trình bày những hiểu biết của mình về chính sách an sinh xã hội ở địa phương.



1. An sinh xã hội là gì?

An sinh xã hội là hệ thống các chính sách, chương trình do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm bảo đảm cho mọi người dân ít nhất có được mức tối thiểu về thu nhập, có cơ hội tiếp cận ở mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin,... thông qua việc nâng cao năng lực tự an sinh của người dân và sự trợ giúp của Nhà nước.

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là một chương trình an sinh xã hội lớn của Việt Nam, được thực hiện trên phạm vi cả nước theo nhiều giai đoạn, trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Mục tiêu tổng quát là thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

Hình 1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.



An sinh xã hội tập trung vào 4 trụ cột sau đây:

Một là, tăng cường cơ hội có việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho người lao động yếu thế thông qua hỗ trợ cá nhân và hộ gia đình phát triển sản xuất, hỗ trợ tín dụng, giải quyết việc làm và kết nối thông tin thị trường lao động.

Hai là, mở rộng cơ hội cho người lao động tham gia hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp để chủ động đối phó khi thu nhập bị suy giảm hoặc bị mất do các rủi ro, ốm đau, tai nạn lao động, tuổi già.

Ba là, hỗ trợ thường xuyên đối với người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và hỗ trợ đột xuất cho người dân khi gặp các rủi ro khôn lường trước hoặc vượt quá khả năng kiểm soát do mất mùa, thiên tai (lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất, bão, động đất,...), chiến tranh, dịch bệnh, đói nghèo,... thông qua các khoản tiền mặt và hiện vật do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Bốn là, tăng cường tiếp cận của người dân đến hệ thống dịch vụ xã hội cơ bản, như: giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, thông tin,...



Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy cho biết an sinh xã hội tập trung vào những nội dung nào.

2 Một số vai trò cơ bản của an sinh xã hội

2.1. Bảo đảm thu nhập cho người dân ở mức tối thiểu

Vai trò cơ bản nhất của an sinh xã hội là cung cấp mức thu nhập tối thiểu nhằm bảo đảm quyền sống tối thiểu của người dân, bao gồm các quyền về ăn uống, nhà ở, sức khoẻ, giáo dục và một số dịch vụ cơ bản nhằm bảo vệ người dân khỏi tình trạng đói nghèo do không có thu nhập tạm thời hoặc vĩnh viễn.

2.2. Phòng ngừa và hỗ trợ khắc phục các rủi ro, khủng hoảng

An sinh xã hội có vai trò rất lớn trong việc hỗ trợ người dân chủ động ngăn ngừa hoặc hỗ trợ kịp thời khi có các rủi ro xảy ra như: thiên tai, dịch bệnh, bệnh tật, tai nạn, khủng hoảng kinh tế, thất nghiệp,... nhằm bảo đảm điều kiện sống tối thiểu của người dân.



Bảo hiểm y tế là chính sách xã hội quan trọng mang ý nghĩa nhân văn và có tính chia sẻ cộng đồng sâu sắc. Theo thống kê của bảo hiểm xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế, mỗi năm quỹ bảo hiểm chi trả khoảng 2 000 tỉ đồng cho việc khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế, trong đó rất nhiều trường hợp người bệnh mắc bệnh nặng, bệnh mãn tính. Từ nhiều năm nay, bảo hiểm y tế đã trở thành “phao cứu sinh” không thể thiếu của những người không may ốm đau, bệnh tật. Trong những năm gần đây, số người tham gia bảo hiểm y tế ở Thừa Thiên Huế đã có sự tăng trưởng mạnh. Tính đến ngày 31/12/2021, số người tham gia bảo hiểm y tế là 1 157 735 người, độ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 99,1 % so với dân số toàn tỉnh.¹

¹ Theo: Bảo hiểm xã hội Thừa Thiên Huế (2022), “Phao cứu sinh cho người bệnh”, truy cập tháng 7/2022.

2.3. Thúc đẩy việc làm và phát triển thị trường lao động

Thông qua công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động, đặc biệt là người nghèo, người ở vùng khó khăn và các chương trình khác như hỗ trợ vốn tín dụng ưu đãi, chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động, phát triển thông tin thị trường lao động, hệ thống an sinh xã hội thúc đẩy việc làm bền vững, tăng cường kỹ năng và cơ hội tham gia thị trường lao động cho người lao động.

2.4. Thúc đẩy gắn kết xã hội

Bằng các chương trình cụ thể như xoá đói, giảm nghèo, giảm bất bình đẳng, thu hẹp chênh lệch về điều kiện sống theo vùng và các nhóm dân cư, an sinh xã hội góp phần vào việc giảm phân hoá giàu nghèo, điều chỉnh nguồn lực cho các vùng nghèo, vùng khó khăn, tạo sự phát triển hài hoà, đồng thuận và gắn kết giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư trong xã hội.



Hình 2. Liên đoàn Lao động thành phố Huế trao tiền hỗ trợ cho đoàn viên bị nhiễm Covid-19.



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy giới thiệu về một vai trò của an sinh xã hội.

3 Một số chính sách an sinh xã hội ở Thừa Thiên Huế

3.1. Các chính sách giảm nghèo bền vững

Giảm nghèo bền vững là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Ở Thừa Thiên Huế, các chương trình và hoạt động triển khai chính sách này đã được thực hiện trong nhiều năm qua, cụ thể như: ưu tiên bố trí các nguồn vốn hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, đầu tư xây dựng,... Nhờ đó, nông thôn và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế như huyện Nam Đông, A Lưới đã có nhiều thay đổi, cải thiện về nhà ở, các công trình trường học, trạm y tế, điện, giao thông, thuỷ lợi,... nâng cao mức hưởng thụ, trình độ dân trí cho người dân.



Hình 3. Các chính sách giảm nghèo bền vững ở Thừa Thiên Huế giúp người dân huyện Nam Đông thoát nghèo.

Trong sản xuất, các hộ nghèo được hỗ trợ trực tiếp, như: được cung cấp giống, cây trồng, vật nuôi, phân bón; chuồng trại; được tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất. Từ đó, kiến thức sản xuất của người dân được nâng lên rõ rệt, giúp họ dần thay đổi tập quán canh tác và chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm.



Đọc thông tin mục 3.1 và quan sát hình 3, em hãy cho biết chính sách xoá đói, giảm nghèo ở Thừa Thiên Huế đã hỗ trợ cho các hộ nghèo như thế nào trong sản xuất.

3.2. Các chính sách bảo hiểm

Các chính sách bảo hiểm xã hội đã và đang triển khai ở Thừa Thiên Huế bao gồm: bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp. Các chính sách bảo hiểm xã hội này đang từng bước phát huy vai trò trụ cột trong hệ thống an sinh xã hội ở Thừa Thiên Huế, bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập cho người lao động khi gặp phải những rủi ro trong cuộc sống (khi ốm đau, bệnh tật, tai nạn, mất việc làm) cũng như khi đến tuổi già không còn khả năng lao động. Trong những năm gần đây, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên toàn tỉnh Thừa Thiên Huế tăng trưởng nhanh, ngay cả trong bối cảnh chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.



Tính đến cuối năm 2021, toàn tỉnh Thừa Thiên Huế có hơn 124 000 người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, 116 000 người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và hơn 22 000 người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Ngoài ra, có 1 157 000 người tham gia bảo hiểm y tế, đạt tỉ lệ bao phủ trên 99 % dân số. Trong đó, tổng số thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2021 hơn 3 210 tỉ đồng, gấp hơn 400 lần so với tổng số thu năm 1995 (gần 7,5 tỉ đồng).¹

¹ Theo: Thanh Hương (2022), “Nỗ lực vì mục tiêu an sinh xã hội”, Báo Thừa Thiên Huế, ngày 15/6/2022.



Theo Báo cáo Thực hiện công tác lao động, người có công và xã hội giai đoạn 2015 – 2019 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2020 – 2025 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế, nhận thức về giảm nghèo có sự thay đổi tích cực, xuất hiện ngày càng nhiều tấm gương cá nhân, hộ gia đình nỗ lực vươn lên thoát nghèo. Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều tại tỉnh Thừa Thiên Huế từ 8,36 % (năm 2015) giảm xuống còn 2,99 % (2021) vượt chỉ tiêu đề ra.



Hình 4. Trao tặng sổ Bảo hiểm xã hội và thẻ Bảo hiểm y tế cho người dân huyện A Lưới.



Đọc thông tin mục 3.2 và quan sát hình 4, em hãy cho biết ý nghĩa của các loại hình bảo hiểm mà người dân Thừa Thiên Huế tham gia.

3.3. Các chính sách đối với người có công với cách mạng

Chính sách đối với người có công luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Tại Thừa Thiên Huế, chính sách ưu đãi với người có công đã rất được chú trọng, tiêu biểu nhất là việc thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện chính sách này, Thừa Thiên Huế rất quan tâm đến đời sống của người có công với cách mạng trên nhiều phương diện, như: chăm lo sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần của người có công và thân nhân của người có công với cách mạng; vận động các đơn vị thực hiện phong trào “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn”, thường xuyên chăm sóc, tặng quà, hỗ trợ cho gia đình có công với cách mạng, nhận chăm nuôi các bà mẹ Việt Nam anh hùng; xây dựng hệ thống chăm nuôi, điều dưỡng đối với người có công.

Chính sách hỗ trợ cho người có công với cách mạng ở Thừa Thiên Huế đã mang lại nhiều ý nghĩa xã hội tích cực, giúp người có công ổn định cuộc sống, cải thiện và nâng cao chất lượng sống; mức sống của người có công và thân nhân được đảm bảo cao hơn hoặc bằng mức trung bình của dân cư nơi cư trú.



Hình 5. Lãnh đạo Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Phú Lộc và đại diện lãnh đạo địa phương cắt băng khánh thành nhà tình nghĩa cho bà Võ Thị Hành, thương binh hạng 2/4, thôn Hoà Vang 1, xã Lộc Bồn, huyện Phú Lộc.



Thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã phê duyệt 5 264 hộ gia đình có công với cách mạng được hỗ trợ về nhà ở, trong đó giai đoạn I đã triển khai xong 2 329 hộ với tổng kinh phí 61 580 triệu đồng.¹



Đọc thông tin mục 3.3 và quan sát hình 5, em hãy liệt kê các hoạt động đền ơn đáp nghĩa với người có công với cách mạng của trường em.

¹ Theo: Thanh Ngân (2022), “Thừa Thiên Huế: tiếp tục hỗ trợ cho 442 hộ có công với cách mạng về nhà ở”, Báo *Xây dựng*, ngày 20/01/2022.

3.4. Các chính sách đào tạo nghề và hỗ trợ việc làm

Thừa Thiên Huế là địa phương có rất nhiều cơ sở dạy nghề và tạo việc làm cho các đối tượng lao động như: người tàn tật và trẻ mồ côi, công an và bộ đội xuất ngũ, con em đồng bào dân tộc thiểu số, người thuộc diện chính sách xã hội,... Hệ thống các ngành nghề do các trung tâm đào tạo nghề rất đa dạng, thuộc nhiều lĩnh vực như công nghiệp, thủ công nghiệp, mỹ nghệ, dịch vụ và du lịch,... Ngoài đào tạo, các cơ sở dạy nghề còn liên kết với các đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài nước để hỗ trợ cho người lao động có việc làm và thu nhập.

Chính sách đào tạo nghề và hỗ trợ việc làm ở Thừa Thiên Huế đã góp phần nâng cao đời sống, thu nhập của người dân nơi đây, thay đổi tư duy lao động sản xuất, thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, việc làm phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế – xã hội của tỉnh.



Hình 6. Tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động tại tỉnh Thừa Thiên Huế.



Tính đến năm 2022, toàn tỉnh Thừa Thiên Huế có 36 cơ sở đào tạo nghề nghiệp, trong đó có 9 trường cao đẳng, 4 trường trung cấp, 3 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 9 trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên cấp huyện và 11 cơ sở có đăng kí hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trong giai đoạn 2011 – 2015, Thừa Thiên Huế đã đào tạo nghề cho 17 002 lao động nông thôn với tổng kinh phí 22 400 triệu đồng, trong đó: Học nghề nông nghiệp 3 357 người, chiếm tỉ lệ 20,2%; Học nghề phi nông nghiệp 13 645 người, chiếm tỉ lệ 79,8 %.



Đọc thông tin mục 3.4, quan sát hình 6 và liên hệ với thực tế, hãy cho biết các chính sách đào tạo nghề và hỗ trợ việc làm ở địa phương em đã mang lại lợi ích gì cho người dân.



1. Nêu tên các trường cao đẳng, trung cấp hoặc các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế mà em biết.
2. Trong đại dịch Covid-19 vừa qua, em và gia đình đã nhận được sự hỗ trợ nào từ các chính sách an sinh xã hội mà chính quyền địa phương nơi em sinh sống thực hiện?
3. Lập nhóm từ 3 đến 5 bạn, thực hiện một video clip ngắn tìm hiểu về các chương trình an sinh xã hội mà học sinh trong trường em đã và đang tham gia.
4. Lập kế hoạch tổ chức đến thăm một trung tâm bảo trợ xã hội hoặc trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Sản phẩm là bài viết nêu cảm nhận của em về chuyến đi đó.



A
an sinh xã hội

B
Bạch Mã
bảo hiểm thất nghiệp
bảo hiểm xã hội
bảo trợ xã hội

D
di sản kiến trúc
Di thảo
Đặng Dịch Trai Ngôn hành lục

Đ
Đào Duy Từ
đất đỏ vàng

G
Giá viên biệt lục
giảm nghèo

H
Hải Vân

K
khoáng sản

L
lăng tẩm
Lê Thánh Tông
loài đặc hữu
Lý Văn Phúc

M
mùa mưa
mùa ít mưa
mục tiêu quốc gia

N
Nam triều công nghiệp diễn chí
nghệ thuật điêu khắc
Ngô Thế Lân
Ngụy Khắc Đản
Nguyễn Cư Trinh
Nguyễn Khoa Chiêm
Nguyễn Trương Tộ

P
Phạm Phú Thứ
Phan Thanh Giản
Phong Trúc tập

S
Sài Vải

T
tấm điện
Tây hành kiến văn kỉ lược
thị trường lao động
Thiệu Trị
thổ nhượng
thơ ca trung đại
thực vật nguyên sinh
thực vật thứ sinh
tranh dân gian
*Trong khi ốm được Dã Trì chủ nhân
chỉ giáo, làm thơ ghi lại*
Tư Dung hải môn lữ thứ

V
ván khắc
văn xuôi trung đại

Chủ đề. Thừa Thiên Huế từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI: Ảnh chủ đề: Copyright © Nguyen Quang Ngoc Tonkin; hình 1.1 Copyright © Phạm Thị Minh Hiền; hình 1.2 Copyright © Vũ Đức Liêm; hình 2.1 Copyright © Jimmy Tran; hình 2.2 Copyright © Vũ Đức Liêm; hình 2.3 Copyright © EFEO microfilm A.2499. Dịch và chú giải: Bửu Cẩm và các tác giả, Sài Gòn: Bộ Quốc Gia Giáo Dục, 1962; hình 2.4 Copyright © Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế; hình 2.5 Copyright © Thái Hùng, huecity.gov.vn; hình 2.6 Copyright © Phan Thanh Hải, visithue.vn.

Chủ đề. Văn học trung đại Thừa Thiên Huế: Ảnh chủ đề: *Cảnh quan cửa Đông (cửa Hiền Nhơn), Hoàng thành Huế*, Copyright © Efired; hình 1.1 Copyright © sdl.thuathienhue.gov.vn; hình 1.2 Copyright © quansachmuathu.vn; hình 1.3 Copyright © Nguyễn Văn Thuấn; hình 1.4 Copyright © Nguyễn Văn Thuấn; hình 1.5 Copyright © Nguyễn Văn Thuấn; hình 1.6 Copyright © Nguyễn Văn Thuấn; hình 2.1 Copyright © Shutterstock; hình 2.2 Copyright © Tác giả cung cấp; hình 2.3 Copyright © Shutterstock; hình 2.4 Copyright Tác giả cung cấp.

Chủ đề. Mĩ thuật truyền thống Thừa Thiên Huế: Ảnh chủ đề: *Lăng Minh Mạng*, Copyright © Hien Phung Thu; hình 1.1 – 1.11 Copyright © Phan Lê Chung; hình 2.1 – 2.12 Copyright © Phan Lê Chung; hình 3.1 – 3.7 Copyright © Phan Lê Chung.

Chủ đề. Thiên nhiên tỉnh Thừa Thiên Huế: Ảnh chủ đề: Copyright © Văn Đình Huy; Hình 1.1 + Hình 1.3 + Hình 2.3 + Hình 3.1 + Hình 3.2 Copyright © Lê Phúc Chi Lăng; Hình 1.2 + Hình 2.4 + Hình 3.3 Copyright © Sở Tài nguyên và Môi trường Thừa Thiên Huế (Lê Phúc Chi Lăng, Nguyễn Thu Hương Lam biên tập); Hình 1.4 + Hình 2.1 Copyright © Nguyễn Văn Cường; Hình 2.2 Copyright © Trần Tĩnh; Hình 2.5 + Hình 3.4 Copyright © Nguyễn Phúc Bảo Minh; Hình 2.6 Copyright © Văn Đình Huy; Hình 3.5 + Hình 3.6 Copyright © Trần Đình Đức Hiếu.

Chủ đề. Chính sách an sinh xã hội Thừa Thiên Huế: Ảnh chủ đề: *Nguyên Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hoà Bình cùng với lãnh đạo tỉnh trao tặng Công trình thanh niên 10 "Nhà nhân ái", nhà tình nghĩa*, Copyright © thuathienhue.gov.vn; hình 2 Copyright © Hải Thuận, Báo Thừa Thiên Huế; hình 3 Copyright © Minh Hiền, Báo Thừa Thiên Huế; hình 4 Copyright © Huế Thu, Báo Thừa Thiên Huế; hình 5 Copyright © Lê Sáu, Báo Quân khu 4; hình 6 Copyright © Trần Minh, Báo Thừa Thiên Huế.

Ảnh bìa 1, Copyright © Jimmy Tran, shutterstock; **Ảnh bìa 4**, Copyright © Hien Phung Thu, shutterstock.

TLGDĐP HUẾ

**TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
LỚP 7**

TIGDØP HUEI



ISBN 978-604-54-0000-0

Giá: 00.000đ

